

NĂNG ĐỘNG

COMPETITIVENESS

GOVERNANCE

KINH TẾ TƯ NHÂN

CẠNH TRANH

REFORM

CẠNH TRANH

PCI 2012

PROACTIVITY

PROACTIVITY

BỀN VỮNG

**Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VCCI**

Trung tâm Thương mại Quốc tế
9 Đào Duy Anh, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3574-2022
Fax: (84-4) 3574-2020
www.vcci.com.vn

FRIENDLY

NĂNG ĐỘNG

FRIENDLY

**CHỈ SỐ NĂNG LỰC
CẠNH TRANH CẤP TỈNH**

SUSTAINABILITY

**Dự án Sáng kiến Cạnh tranh Việt Nam
USAID/VNCI**

Số 2, Tầng 15, Tòa nhà Prime Centre
53 Quang Trung, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3943-8163
Fax: (84-4) 3943-8160
www.vnci.org

SUSTAINABILITY

**HỒ SƠ 63 TỈNH,
THÀNH PHỐ VIỆT NAM**

GOVERNANCE

REFORM

THÂN THIỆN

MINH BẠCH

TRANSPARENCY

**Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
USAID/Việt Nam**

Tòa nhà Tung Shing,
Tầng 15, Số 2 Ngõ Quyền
Hà Nội, Việt Nam
Tel : (84-4) 3935-1260
Fax : (84-4) 3935-1265
www.usaid.gov

TRANSPARENCY

PRIVATE SECTOR

ĐIỀU HÀNH

THÂN THIỆN



SUSTAINABILITY

ĐIỀU HÀNH

COMPETITIVENESS

CẢI CÁCH

MINH BẠCH

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH CỦA VIỆT NAM NĂM 2012

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
ĐIỀU HÀNH KINH TẾ ĐỂ THÚC ĐẨY
PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

LỜI CẢM ƠN

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2012 là thành quả của nỗ lực hợp tác nghiên cứu liên tục trong nhiều năm giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Dự án sáng kiến cạnh tranh Việt Nam của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID/VNCI) do Công ty DAI thực hiện và quản lý.

Hướng dẫn xây dựng, phát triển phương pháp nghiên cứu chỉ số PCI và cũng là tác giả chính của báo cáo là Tiến sỹ Edmund Malesky – Phó Giáo sư về Kinh tế Chính trị tại Đại học Duke, Hoa Kỳ.

Tiến sỹ Malesky được sự trợ giúp của nhóm nghiên cứu PCI gồm có Ông Đậu Anh Tuấn, Phó Trưởng ban phụ trách, Ban Pháp chế; Lê Thanh Hà, Nguyễn Lê Hà (VCCI); Nhóm thực hiện xây dựng chỉ số PCI gồm Lê Thu Hiền, Nguyễn Ngọc Lan, TS.Đặng Quang Vinh (Dự án USAID/VNCI) và Phạm Ngọc Thạch (VCCI).

Hỗ trợ nhóm nghiên cứu còn nhiều chuyên gia nước ngoài. Bà Nguyễn Trang (Mae), Nghiên cứu sinh, Trường Luật, Đại học New York thực hiện những phân tích trong Chương 2. Yana Margolis, Nghiên cứu sinh Khoa Kinh tế, Đại học California-San Diego (UCSD) hỗ trợ thực hiện Chương 3. Lê Anh, học viên Cao học Đại học Duke; Weiyi Shi, Nghiên cứu sinh tại UCSD và Ben Graham, Giảng viên Đại học Nam California hỗ trợ việc phân tích dữ liệu và viết Chương 4. Layna Mosely, Giáo sư Đại học Bắc Carolina cung cấp dữ liệu phân tích Chương 5.

Báo cáo PCI 2012 được xây dựng, phát triển dưới sự chỉ đạo của Ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch VCCI, Ông Scott Jazyuka, Giám đốc Dự án USAID/VNCI và Ông James P. Winkler, Nguyên Giám đốc Dự án USAID/VNCI, đồng thời nhận được sự hỗ trợ cũng như đóng góp ý kiến quý báu của Ông Todd Hamner, Trưởng Ban phát triển kinh tế và Bà Lê Thị Thanh Bình, Quản lý Dự án, USAID/Việt Nam

Kitty Stone, Kara Schulz và Sara Lehman, công ty DAI hỗ trợ hiệu đính báo cáo. Ông Phạm Tùng Lâm, dự án USAID/VNCI hỗ trợ tư vấn về công tác PR/truyền thông. Nhóm hỗ trợ dịch thuật và công tác hành chính bao gồm Trần Minh Thư, Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thanh Thủy, Trịnh Thị Hồng Hạnh, Trịnh Thị Hằng, Bùi Thu Trang, Lê Thanh Giang và Nguyễn Thị Hương, dự án USAID/VNCI.

Nhóm nghiên cứu PCI gửi lời cảm ơn đặc biệt tới các chuyên gia đã chia sẻ các ý kiến và bình luận quý báu về phương pháp luận và góp ý trong lựa chọn chỉ tiêu PCI thời gian qua:

Ông Trần Hữu Huỳnh	Chủ tịch Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, nguyên Trưởng ban Pháp chế, VCCI
Bà Phạm Chi Lan	Chuyên gia kinh tế cao cấp
Ông Vũ Quốc Tuấn	Chuyên gia cao cấp
Ông Nguyễn Đình Cung	Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM)
Bà Phạm Thị Thu Hằng	Tổng Thư ký, VCCI
Bà Vũ Xuân Nguyệt Hồng	Phó Viện trưởng, CIEM
Ông Nguyễn Minh Mẫn	Vụ trưởng, Vụ Tổ chức Hành chính Nhà nước và Công vụ, Văn phòng Chính phủ
Ông Lê Đăng Doanh	Chuyên gia kinh tế cao cấp
Ông Nguyễn Quang A	Chuyên gia kinh tế cao cấp
Ông Cao Sỹ Kiêm	Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam
Ông Nguyễn Văn Thời	Tổng Giám đốc công ty cổ phần xuất khẩu Thái Nguyên
Ông Vũ Thành Tự Anh	Giám đốc Nghiên cứu, Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright, TP.HCM
Ông Võ Hùng Dũng	Giám đốc, chi nhánh VCCI Cần Thơ
Ông Nguyễn Cường	Giám Đốc, chi nhánh VCCI Đà Nẵng
Ông Nguyễn Ngọc Phi	Nguyên Chủ tịch, UBND tỉnh Vĩnh Phúc

Ông Nguyễn Văn Tứ	Nguyên Phó Giám đốc, Sở KHĐT Hà Nội
Ông Nguyễn Phương Bắc	Phó Giám đốc, Sở KHĐT tỉnh Bắc Ninh
Ông Trình Văn Anh	Sở Kế hoạch- Đầu tư tỉnh Đồng Nai
Ông Nguyễn Thái Sơn	Chuyên gia cao cấp, Văn phòng Chính phủ
Ông Cao Bá Khoát	Chuyên gia kinh tế, Giám đốc Công ty Tư vấn K & Cộng sự
Ông Phan Đức Hiếu	Phó Trưởng Ban Môi trường kinh doanh và Năng lực cạnh tranh, CIEM
Ông Vũ Quốc Huy	Chuyên gia kinh tế, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
Ông Phạm Duy Nghĩa	Giảng viên Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright, TP. Hồ Chí Minh
Ông Lê Duy Bình	Giám đốc, Công ty Economica
Ông Nguyễn Văn Làn	Chuyên gia kinh tế, Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)
Ông Trần Du Lịch	Đại biểu Quốc hội
Ông Vũ Xuân Tiên	Giám đốc, Công ty Tư vấn VFAM
Ông Vũ Quang Thịnh	CEO, Công ty TNHH Vietnam Holding Assest Management
Ông Trần Thọ Đạt	Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Ông Đoàn Hồng Quang	Chuyên gia kinh tế cao cấp, Ngân hàng Thế giới



TÓM TẮT



TÓM TẮT

TÓM TẮT CHƯƠNG 1: ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP TRONG NƯỚC VÀ CHỈ SỐ PCI 2012

Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm thứ 8: Chỉ số PCI được xây dựng nhằm đánh giá môi trường kinh doanh, chất lượng điều hành kinh tế và các nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền các tỉnh, thành phố của Việt Nam, qua đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Báo cáo PCI 2012 là kết quả điều tra năm thứ 8 liên tiếp, với sự tham gia của 8.053 doanh nghiệp trong nước. PCI đại diện cho tiếng nói chung của cộng đồng doanh nghiệp tư nhân về chất lượng điều hành kinh tế của 63 tỉnh, thành phố Việt Nam.

Chỉ số PCI đo lường cái gì? Chỉ số PCI đo lường chín lĩnh vực điều hành kinh tế có tác động đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Một địa phương sẽ được coi là thực hiện tốt tất cả chín chỉ số thành phần nếu có: 1) chi phí gia nhập thị trường thấp; 2) tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; 3) môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai; 4) chi phí không chính thức thấp; 5) thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng; 6) lãnh đạo chính quyền tỉnh năng động và sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; 7) dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, chất lượng cao; 8) chính sách đào tạo lao động tốt; và 9) thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả.

Phương pháp luận: Chỉ số PCI được xây dựng theo quy trình 3 bước gọi tắt là 3T: 1) thu thập dữ liệu điều tra doanh nghiệp bằng phiếu hỏi và dữ liệu từ các nguồn đã công bố, 2) tính toán chín chỉ số thành phần và chuẩn hóa kết quả theo thang 10 điểm, và 3) tính trọng số cho chỉ số PCI trung bình của chín chỉ số thành phần trên thang điểm 100. Báo cáo PCI 2012 vẫn duy trì toàn bộ phương pháp luận như ba năm trước: sử dụng phương pháp lấy mẫu phân tầng, giữ nguyên cấu trúc của phiếu điều tra, giữ nguyên cách lựa chọn và chia tỷ lệ các chỉ tiêu, giữ nguyên trọng số của các chỉ số thành phần cũng như mức điểm phân chia nhóm điều hành. Do đó, có thể so sánh tổng điểm, xếp hạng, điểm chỉ số thành phần, chỉ tiêu, và thứ hạng của chỉ số PCI qua các năm 2009, 2010, 2011 và 2012. Điều này cũng cho phép nhóm nghiên

cứu theo dõi chất lượng điều hành kinh tế của các địa phương, phân tích các yếu tố chính tạo nên sự thay đổi, và đánh giá sát hơn các tác động kinh tế khi chất lượng điều hành cải thiện.

KẾT QUẢ CHÍNH TRONG CHƯƠNG I

- *Đồng Tháp đứng đầu bảng xếp hạng:* Bảng xếp hạng năm nay có không ít bất ngờ. Vị trí số một là Đồng Tháp, tiếp theo là An Giang và Lào Cai – tỉnh đứng đầu năm ngoái. Một lần nữa, Long An và Bắc Ninh đều nằm trong nhóm các tỉnh có chất lượng điều hành tốt nhất trên cả nước. Bình Định và Vĩnh Long, dù tụt hạng trong năm 2011, nhưng năm nay đã lấy lại được phong độ của những năm trước đó. Mặt khác, điểm số của các tỉnh luôn dẫn đầu như Bình Dương và Đà Nẵng lại giảm rõ rệt.
- *Tâm lý bi quan về triển vọng tăng trưởng tiếp tục trong năm 2012:* Năm 2012 vừa qua, cả doanh nghiệp trong và ngoài nước đều tỏ ra bi quan hơn nhiều về triển vọng kinh doanh. Hàng năm, điều tra PCI luôn hỏi doanh nghiệp về kế hoạch kinh doanh trong hai năm tiếp theo. Qua các năm, sự lạc quan của doanh nghiệp, được đo lường thông qua tỉ lệ doanh nghiệp cho biết có kế hoạch hoặc dự định tăng quy mô hoạt động, là thước đo thái độ đầu tư của doanh nghiệp trên thực tế, do đó, câu hỏi này được nhóm nghiên cứu PCI gọi là “Nhiệt kế doanh nghiệp”. Nhiệt kế doanh nghiệp là một cách tiếp cận đơn giản, rõ ràng để đo lường triển vọng kinh doanh trong tương lai gần. Sự lạc quan của doanh nghiệp đã sụt giảm đáng kể trong vài năm gần đây, đặc biệt năm nay đã trượt dần từ mức 76% năm 2006, trước khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới xuống mức thấp kỷ lục 33% ở cả khối doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- *Sự sụt giảm điểm số PCI:* Điểm số PCI 2012 đã giảm mạnh so với năm ngoái, từ 59,15 điểm xuống còn 56,2 điểm – số điểm thấp nhất kể từ khi quy chuẩn lại điểm số năm 2009. Không có một địa phương nào đạt đến ngưỡng 65 điểm, dành cho tỉnh có chất lượng điều hành *Xuất sắc*. Hiện tượng này lần đầu tiên xảy ra trong điều tra PCI.
- *Xu hướng hội tụ về chất lượng điều hành trên toàn quốc:* Việc tăng điểm của các tỉnh có thứ hạng thấp trên bảng xếp hạng và giảm điểm ở các tỉnh đứng đầu đã tạo ra hiện tượng thu hẹp khoảng cách điểm số.

Có thể nói, các tỉnh nhóm cuối đang học hỏi cách làm từ các tỉnh nhóm trên để dần cải thiện môi trường đầu tư ở địa phương mình. Các tỉnh có thứ hạng cao lại đang chật vật để tiến lên, và trên thực tế không ít tỉnh đã tụt hạng ở những lĩnh vực khó cải cách mà Việt Nam đang hướng tới nhằm thoát bẫy thu nhập trung bình.

- *Cải thiện chính sách cụ thể:* Nhìn chung, tỉnh trung vị đã cải thiện được những lĩnh vực sau:
 - Rút ngắn thời gian chờ cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và cấp phép;
 - Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính;
 - Tăng cường công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; và
 - Giảm bớt chi phí không chính thức khi giải quyết các thủ tục hành chính.
- *Lĩnh vực điều hành cần cải thiện:* Cảm nhận của doanh nghiệp không phải lúc nào cũng tích cực. Năm nay, doanh nghiệp đánh giá các lĩnh vực sau kém hơn:
 - Rủi ro bị thu hồi mặt bằng kinh doanh và khả năng giá đền bù đất đai của chính quyền phù hợp với giá thị trường;
 - Niềm tin và mức độ sử dụng các thiết chế pháp lý của tỉnh;
 - Tính năng động và thái độ của lãnh đạo tỉnh với khối tư nhân giảm sút; và
 - Mức độ sử dụng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh và sự hài lòng với chất lượng dịch vụ. Sự sụt giảm này có thể xuất phát từ việc kinh tế khó khăn khiến doanh nghiệp hạn chế chi phí sử dụng các dịch vụ loại này.
- *Sụt giảm từ cảm nhận của doanh nghiệp:* Nguyên nhân chính khiến kết quả PCI thay đổi xuất phát từ các chỉ tiêu thu được từ điều tra cảm nhận doanh nghiệp (chỉ tiêu “mềm”) hơn là dữ liệu từ các nguồn đã công bố. Ở các chỉ tiêu “cứng”, nhiều địa phương tiếp tục có cải thiện. Tuy nhiên, hầu hết các chỉ tiêu quan trọng nhất của điều hành kinh tế

lại không có trong dữ liệu cứng, như bảo vệ quyền sở hữu đất đai và tài sản, tham nhũng, tính năng động của chính quyền tỉnh. Hơn nữa, hầu hết dữ liệu cứng lại do các bộ, ngành công bố mà nguồn thông thường từ chính các tỉnh tổng hợp báo cáo chứ không phải từ một cơ quan độc lập nào.

- *Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sụt giảm chưa từng thấy:* Năm nay, chỉ 6,5% doanh nghiệp ở tỉnh trung vị cho biết đã tăng quy mô đầu tư, 6,1% tuyển thêm lao động, chưa đến 60% báo lãi (trong khi 21% báo lỗ). Đáng lo ngại hơn, cả quy mô đầu tư và lao động của các doanh nghiệp tham gia điều tra PCI đều đã sụt giảm trong vài năm gần đây. Rõ ràng, không chỉ tốc độ tăng trưởng suy giảm mà mức độ tuyển dụng lao động cũng như nguồn vốn của khu vực tư nhân cũng đang có sự giảm sút.
- *Mối liên hệ giữa hiệu quả kinh doanh và cảm nhận về chất lượng điều hành:* Phân tích thống kê ở mọi cấp độ cho thấy có mối tương quan chặt chẽ giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và cảm nhận của doanh nghiệp về chất lượng điều hành của lãnh đạo địa phương. Quan sát doanh nghiệp trong cùng một tỉnh qua nhiều năm cho thấy, doanh nghiệp sẽ có đánh giá tích cực về chất lượng điều hành nếu họ đang ăn nên làm ra, nhưng ngược lại, nếu kinh doanh thua lỗ hoặc phải giảm quy mô, đánh giá này có xu hướng tiêu cực. Mối tương quan này rất khó xác định đâu là nguyên nhân, đâu là kết quả. Dù là thế nào thì mục tiêu của PCI vẫn nhằm tìm hiểu các quy định, chính sách của chính quyền tỉnh ảnh hưởng thế nào tới hiệu quả hoạt động và sự tăng trưởng của doanh nghiệp tư nhân.

KẾT QUẢ CHÍNH CỦA CHƯƠNG 2: TÁC ĐỘNG CỦA PCI ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CẢI CÁCH ĐIỀU HÀNH Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG

- *Rất nhiều địa phương đưa PCI vào các văn bản, chính sách của tỉnh:* Từ năm 2005 đến tháng 10 năm 2012, ít nhất 28 tỉnh, thành đã ban hành tổng cộng 60 văn bản chính thức (cả văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, điều hành) có đề cập đến PCI; trong đó, nhiều văn bản tập trung vào giải quyết những vấn đề nổi cộm trong PCI.
- *Văn bản quy phạm pháp luật được sử dụng nhiều hơn văn bản chỉ đạo, điều hành:* Càng về sau, số lượng văn bản quy phạm pháp luật càng gia

tăng đáng kể, cả về số lượng, đặc biệt khi so sánh với văn bản chỉ đạo, điều hành. Việc chuyển đổi từ văn bản chỉ đạo, điều hành sang văn bản quy phạm pháp luật cho thấy sự cam kết nghiêm túc của các cấp lãnh đạo chính quyền nhằm cải thiện và nâng cao điểm số, thông qua việc đưa mục tiêu đó vào các kế hoạch hàng năm.

- *Hầu hết các tỉnh ban hành văn bản đều thuộc nhóm xếp hạng cao:* Đa số các tỉnh đã ban hành văn bản (18/28) được xếp hạng *Tốt* và *Khá* tại thời điểm ban hành văn bản, chiếm trung bình $\frac{1}{2}$ số tỉnh thuộc nhóm *Tốt* và *Khá*.
- *Song nhóm đứng đầu thì không như vậy:* Trong những tỉnh từng được xếp hạng *Rất tốt*, chỉ có một tỉnh đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PCI vào năm sau khi họ đạt thành tích này, ít nhiều phản ánh tốc độ cải cách của tốp đứng đầu đang chững lại, góp phần làm thu hẹp khoảng cách về điểm số.
- *Cải thiện thành tích sau khi ban hành văn bản:* Nhìn chung, sau khi ban hành văn bản nhằm cải thiện điểm số PCI, số tỉnh đạt được kết quả tốt hơn trong những năm tiếp theo nhiều hơn, tuy nhiên không nên coi mối tương quan này là quan hệ nhân quả.

KẾT QUẢ CHÍNH CỦA CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU VỀ THAM NHỮNG TRONG MUA SẮM CÔNG

- *Thay đổi trong hình thức tham nhũng:* Tuy tham nhũng “vật” đã giảm bớt, song tham nhũng trong đấu thầu công lại tăng lên qua các năm. Sử dụng phương pháp khoa học để tìm hiểu những thông tin nhạy cảm, nhóm nghiên cứu PCI đã tính toán được số doanh nghiệp tham gia vào hoạt động phi chính thức này. Nhìn chung, có 42% doanh nghiệp đã trả hoa hồng cho cán bộ có liên quan để đảm bảo giành được hợp đồng với cơ quan nhà nước, tăng mạnh so với năm 2011.
- *Có sự khác biệt lớn giữa các loại hình doanh nghiệp:* Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia hối lộ trong mua sắm công rất khác nhau, tùy thuộc vào quy mô, mức độ tăng trưởng, mối quan hệ của doanh nghiệp, ngành nghề và mức độ tập trung của ngành. Doanh nghiệp quy mô vừa có xu hướng trả hoa hồng nhiều nhất. Doanh nghiệp tăng trưởng tốt có xu hướng đưa hối lộ nhiều hơn, nghĩa là những doanh nghiệp thực hiện hoạt động này có khả năng phát triển cao hơn trong môi trường kinh doanh khó khăn.

- *Tương quan giữa mối quan hệ với cán bộ nhà nước và tham nhũng trong mua sắm công:* Tỷ lệ tham nhũng có xu hướng gia tăng khi chủ doanh nghiệp có mối quan hệ với cán bộ chính quyền. Tuy nhiên, mối quan hệ này ít phổ biến hơn đối với những doanh nghiệp mới hoạt động. Kết quả này cho thấy doanh nghiệp lâu năm có khả năng xây dựng, phát triển mối quan hệ để chiếm ưu thế hơn so với khối tư nhân.

TÓM TẮT VÀ KẾT QUẢ CHÍNH CỦA CHƯƠNG 4: ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ RỦI RO CHÍNH SÁCH

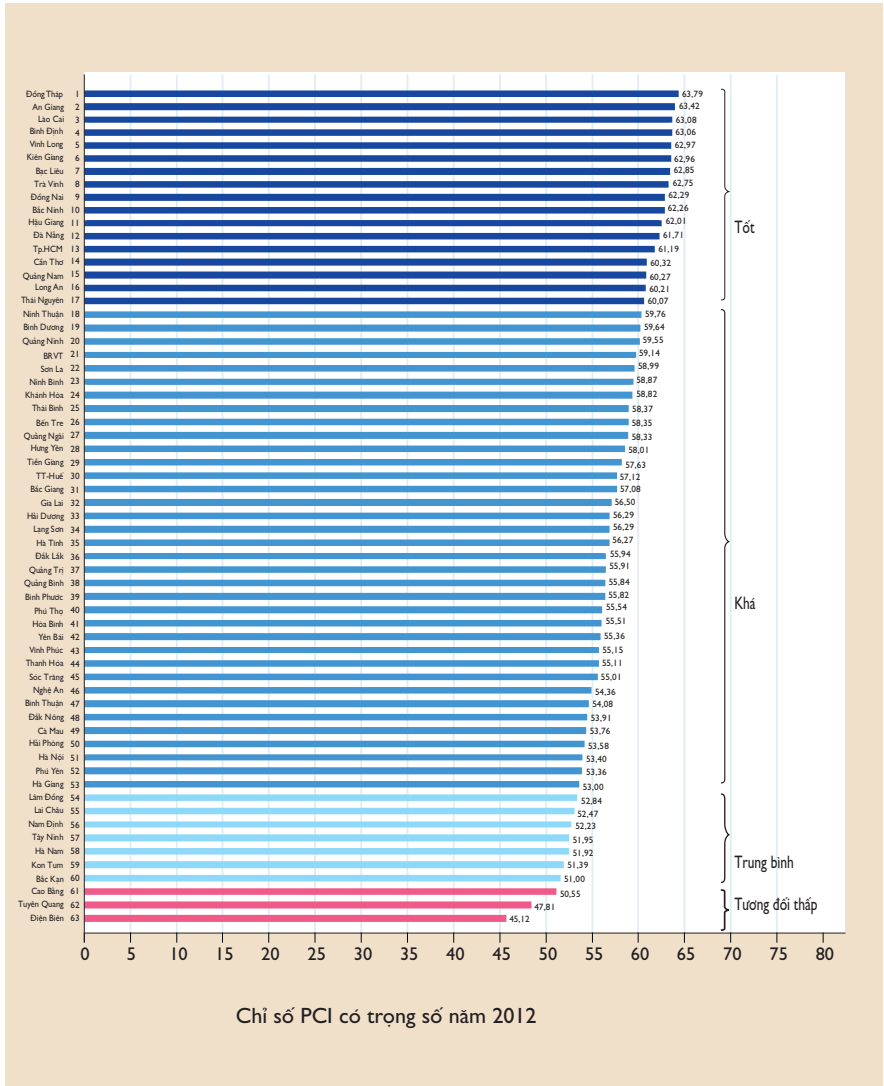
- *Khảo sát hàng năm lần thứ ba về nhà đầu tư FDI ở Việt Nam.* Khảo sát PCI-FDI đã lựa chọn 1.540 doanh nghiệp mang tính đại diện cao từ 45 quốc gia khác nhau, tập trung tại 13 tỉnh, thành của Việt Nam. Tuy không phải là khảo sát doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài duy nhất ở Việt Nam, song đây lại là khảo sát có quy mô lớn nhất và toàn diện nhất.
- *Doanh nghiệp FDI cũng ngày càng kém lạc quan hơn.* Kể từ khi bắt đầu có khảo sát PCI-FDI đến nay, chưa bao giờ niềm tin và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp lại thấp đến vậy. Chỉ có 33% doanh nghiệp FDI có dự định mở rộng hoạt động kinh doanh trong vòng hai năm tới. Lợi nhuận, vốn và mức tăng trưởng quy mô lao động cũng thấp hơn so với những năm trước đó.
- *Cú sốc ngày 20/8:* Vụ bắt giữ nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng sáng lập Ngân hàng ACB ngày 20 tháng 8 năm 2012 là một tín hiệu mạnh mẽ cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với những khó khăn nghiêm trọng. Các nghiên cứu chỉ ra rằng đây thực sự là cú sốc bất ngờ đối với cả thị trường chứng khoán và thị trường vàng. Phản ứng trước cú sốc này thể hiện rõ nét qua các câu hỏi điều tra PCI về niềm tin của doanh nghiệp. Trong vòng 20 ngày sau sự kiện đó, niềm tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước đã giảm một nửa.
- *Nguyên nhân khiến niềm tin của doanh nghiệp sụt giảm:* Phân tích sâu hơn cho thấy doanh nghiệp tham gia điều tra đánh giá cuộc khủng hoảng này ở tầm kinh tế vĩ mô và không lo ngại sẽ có nguy cơ bị thu hồi tài sản hay bất ổn chính trị.

- *Sự khác biệt theo loại hình doanh nghiệp:* Sự kiện này đã tác động mạnh tới cảm nhận của doanh nghiệp. Doanh nghiệp quy mô trung bình và lớn, vốn được coi là tiềm năng tăng trưởng của Việt Nam trong tương lai, lại bị ảnh hưởng nặng nhất. Tương tự, ngành sản xuất, nguồn tăng trưởng và xuất khẩu chủ lực, cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Thú vị hơn, sự kiện này lại ít tác động tới doanh nghiệp ngành dịch vụ. Doanh nghiệp do người Việt Nam làm quản lý chịu ảnh hưởng ít nhất nhờ áp dụng cơ chế ứng phó khác biệt và có nguồn thông tin dành cho lãnh đạo doanh nghiệp địa phương.

KẾT QUẢ CHÍNH CỦA CHƯƠNG 5: QUAN HỆ LAO ĐỘNG

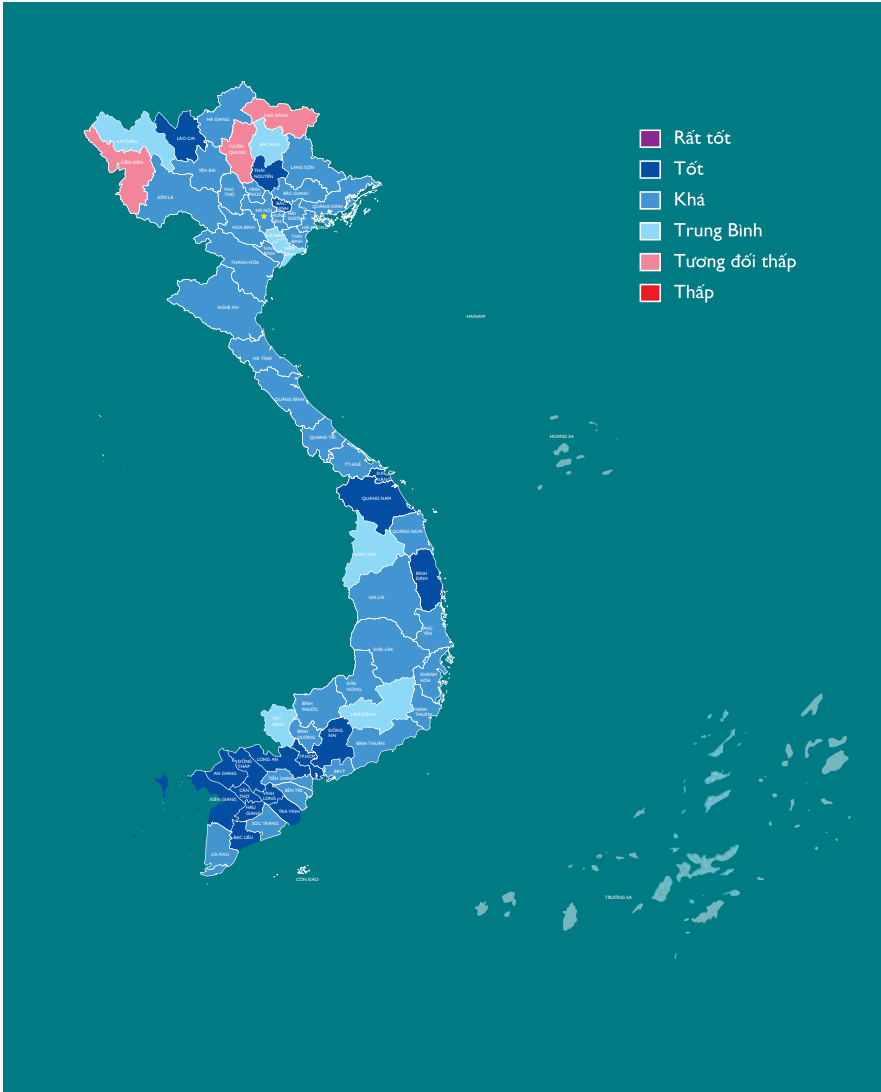
- *Cảm nhận về chất lượng lao động:* Nhìn chung, doanh nghiệp trong nước có thái độ tích cực hơn về công tác giáo dục và đào tạo nghề cho lao động hơn so với các nhà đầu tư nước ngoài. Chỉ 53 trong số 1.540 doanh nghiệp nước ngoài – *khoảng 3,5%* - đồng ý với nhận định rằng lao động địa phương không có kỹ năng cần thiết. Theo tính toán, trong các doanh nghiệp nước ngoài, bình quân có khoảng 23% lao động cần phải được đào tạo thêm. Các doanh nghiệp nước ngoài chi trung bình 3,6% chi phí kinh doanh hàng năm cho việc đào tạo những lao động này; trung bình 70% lao động được đào tạo tiếp tục làm việc cho doanh nghiệp trong khoảng thời gian hơn một năm.
- *Thanh, kiểm tra:* Chỉ 8% doanh nghiệp trong nước cho biết Sở LĐTĐ & XH là một trong ba cơ quan thanh tra thường xuyên nhất. Ngược lại, có tới 21% doanh nghiệp trong mẫu điều tra nước ngoài có chung nhận định này.
- *Công đoàn:* Trong số các doanh nghiệp nước ngoài, 951 trên tổng số 1.435 (chiếm 65%) cho biết doanh nghiệp đã thành lập công đoàn. Trong khi đó chỉ 17% (1.233 trên tổng số 7.090) doanh nghiệp trong nước cho biết có tổ chức công đoàn.
- *Đình công:* Dữ liệu phân tích cho thấy doanh nghiệp nước ngoài có nhiều khả năng xảy ra đình công hơn (12,8% mẫu doanh nghiệp nước ngoài, với trung bình là 1,7 cuộc trong 3 năm gần đây với những doanh nghiệp cho biết có đình công) so với các doanh nghiệp trong nước (0,6%, trung bình 1,6 cuộc trong 3 năm với những doanh nghiệp cho biết có đình công).

KẾT QUẢ XẾP HẠNG PCI NĂM 2012



Chỉ số PCI có trọng số năm 2012

BẢN ĐỒ PCI NĂM 2012

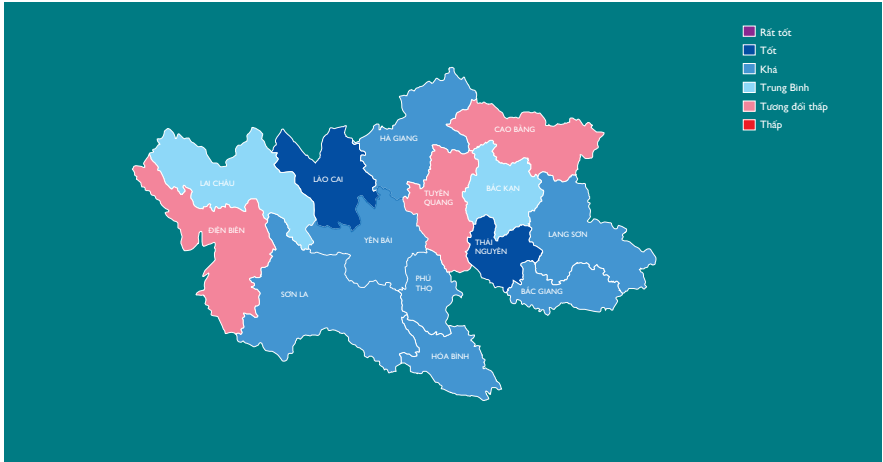




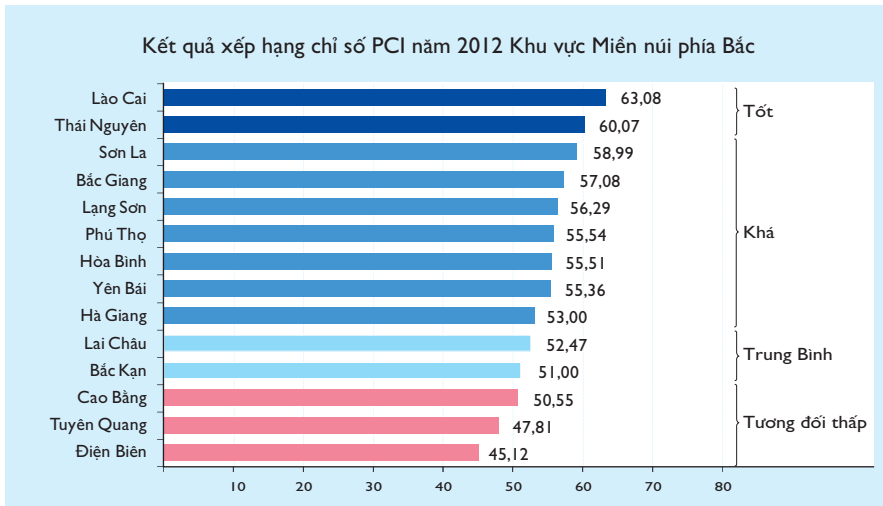
CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH PCI NĂM 2012

HỒ SƠ CÁC VÙNG CỦA VIỆT NAM

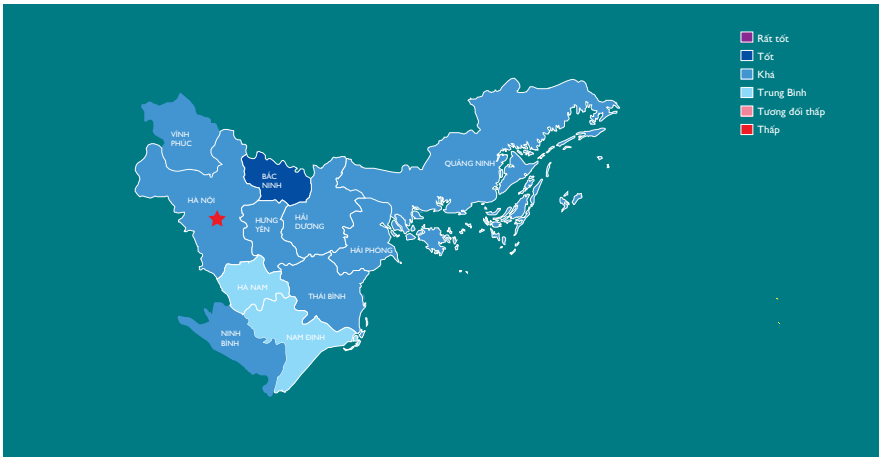
BẢN ĐỒ PCI 2012 - KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC



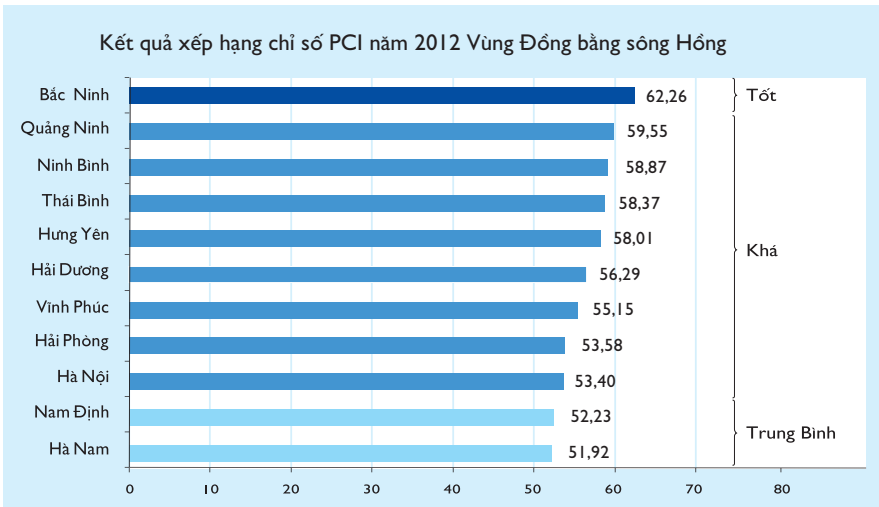
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2012 KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC



BẢN ĐỒ PCI 2012 - VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



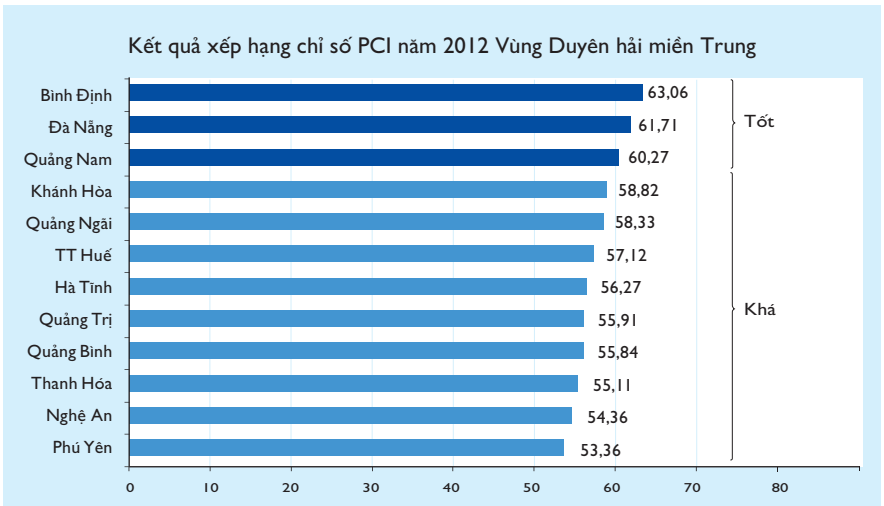
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2012 VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



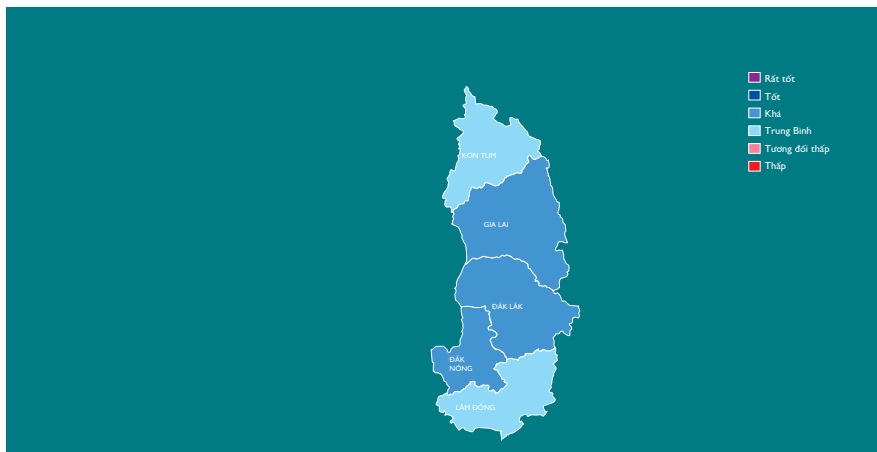
BẢN ĐỒ PCI 2012 - VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



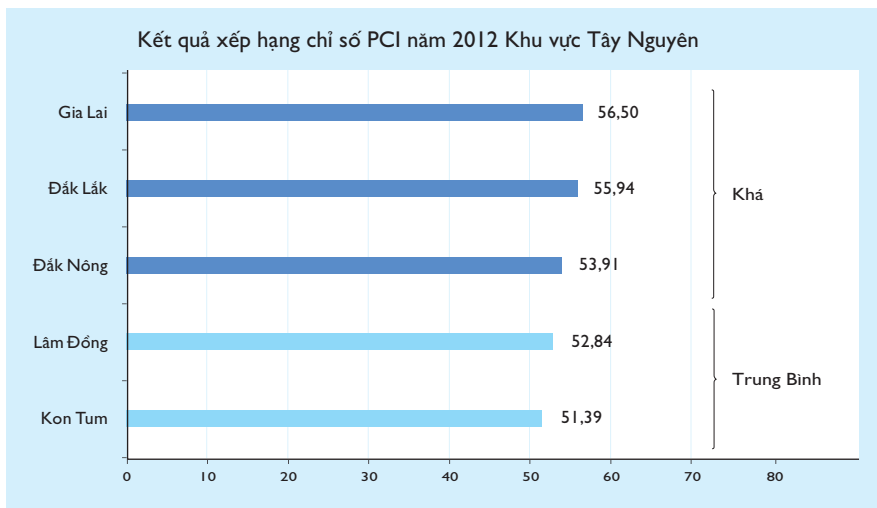
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2012 VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



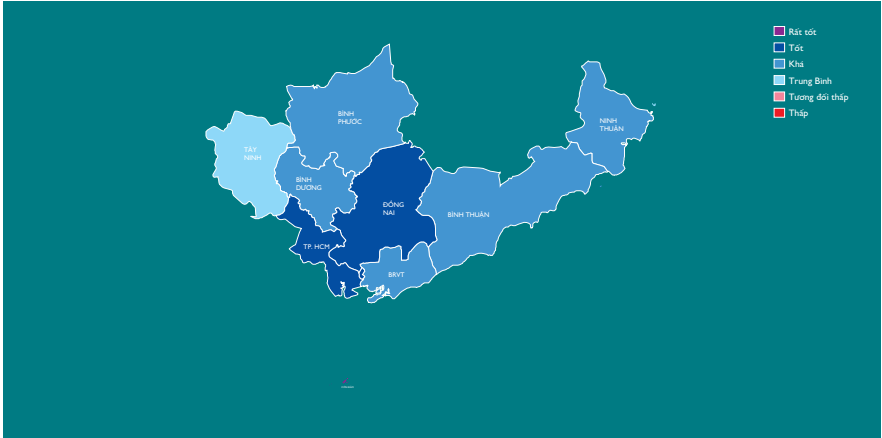
BẢN ĐỒ PCI 2012 - KHU VỰC TÂY NGUYÊN



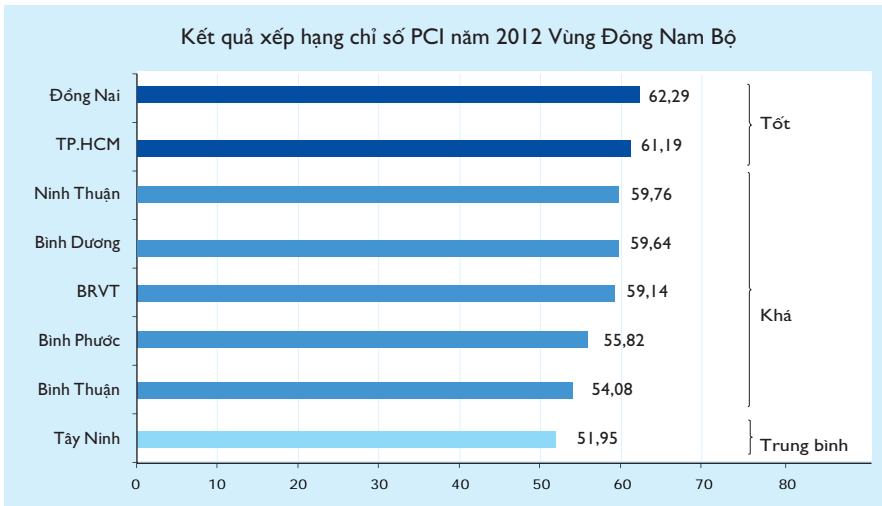
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2012 KHU VỰC TÂY NGUYÊN



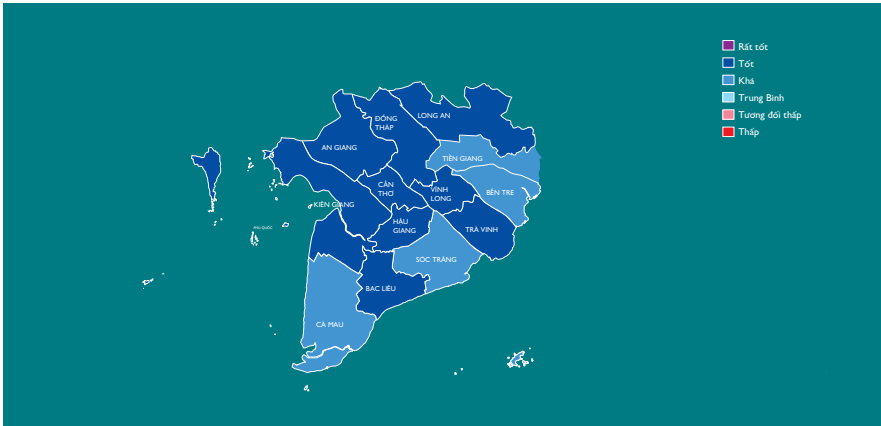
BẢN ĐỒ PCI 2012 - VÙNG ĐÔNG NAM BỘ



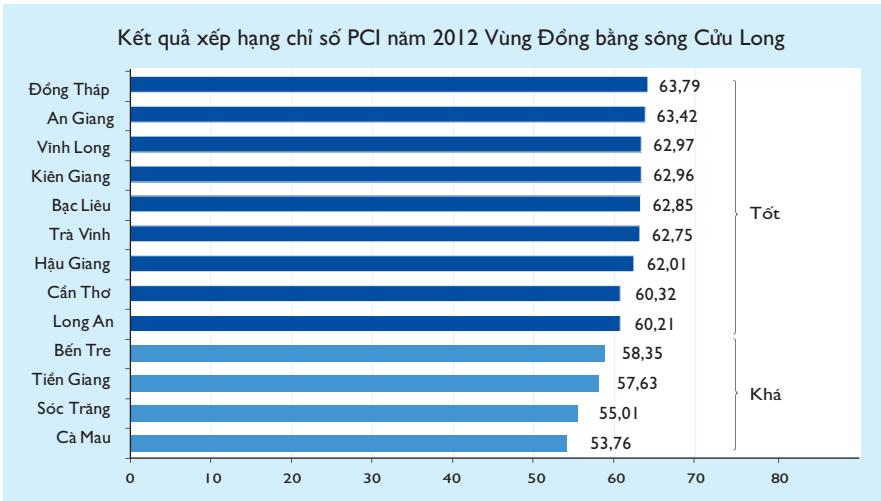
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2012 VÙNG ĐÔNG NAM BỘ



BẢN ĐỒ PCI 2012 - VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2012 VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH PCI NĂM 2012

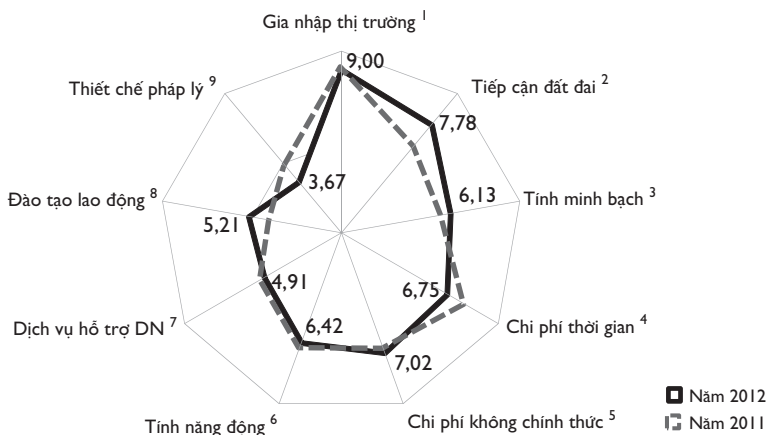
HỒ SƠ 63 TỈNH,
THÀNH PHỐ VIỆT NAM

AN GIANG

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	63,42	2	Tốt/High
2011	62,22	19	Tốt/High
2010	61,94	14	Tốt/High
2009	62,47	20	Tốt/High
2008	61,12	9	Tốt/High
2007	66,47	6	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

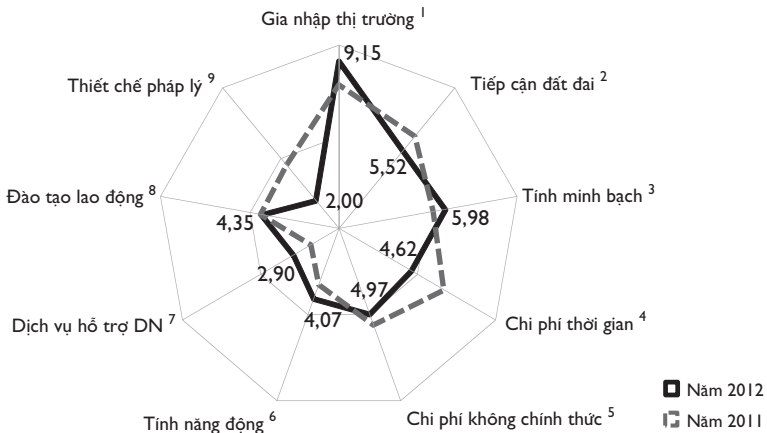
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

BẮC KẠN

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	51	60	Trung bình/Average
2011	52,71	60	Trung bình/Average
2010	51,49	58	Trung bình/Average
2009	47,50	61	Tương đối thấp/Mid-low
2008	39,78	63	Thấp/Low
2007	46,47	56	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

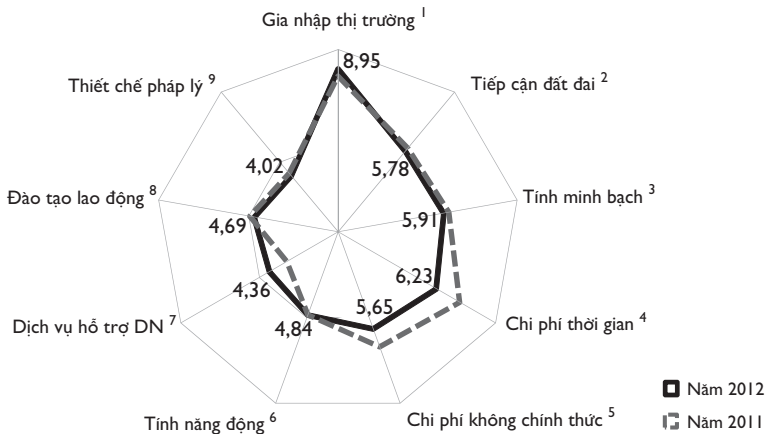
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

BẮC GIANG

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	57,08	31	Khá/Mid-high
2011	60,79	23	Tốt/High
2010	58,02	32	Khá/Mid-high
2009	57,50	37	Khá/Mid-high
2008	47,44	50	Tương đối thấp/Mid-low
2007	55,48	33	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

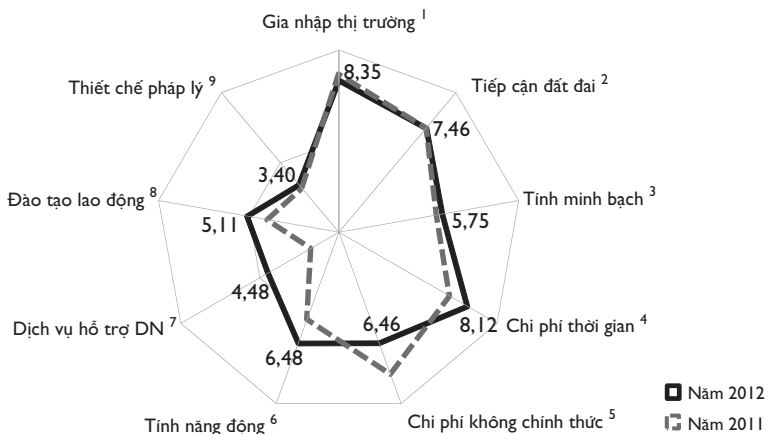
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

BẠC LIÊU

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	62,85	7	Tốt/High
2011	57,92	39	Khá/Mid-high
2010	58,20	30	Khá/Mid-high
2009	52,04	59	Trung bình/Average
2008	40,92	62	Thấp/Low
2007	42,49	60	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

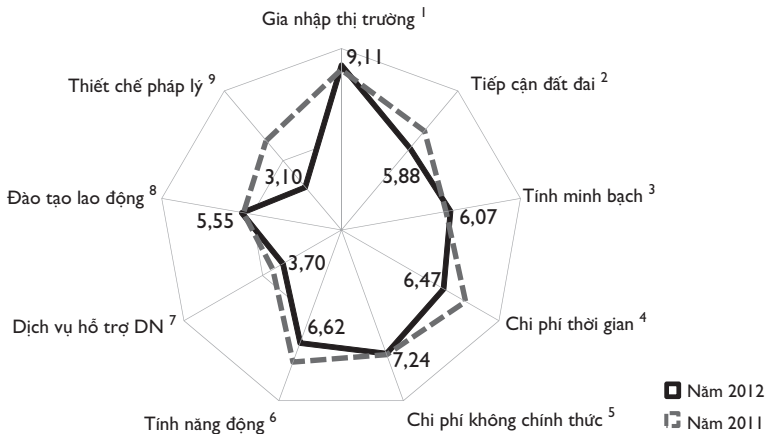
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

BẮC NINH

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	62,26	10	Tốt/High
2011	67,27	2	Rất Tốt/Excellent
2010	64,48	6	Tốt/High
2009	65,70	10	Tốt/High
2008	59,57	16	Khá/Mid-high
2007	58,96	20	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

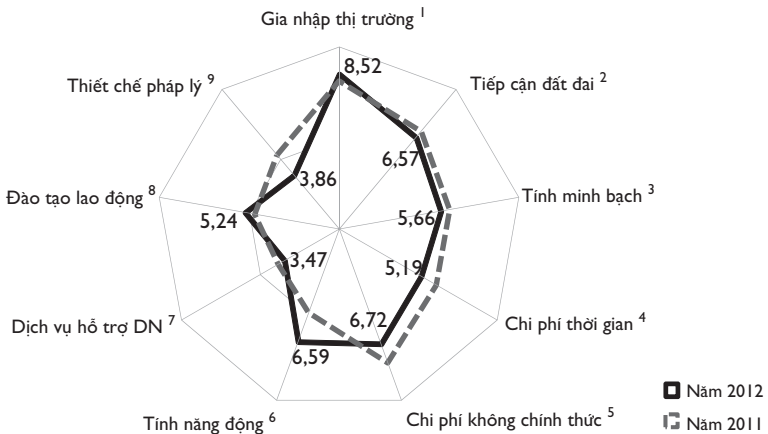
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

BẾN TRE

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	58,35	26	Khá/Mid-high
2011	59,90	30	Khá/Mid-high
2010	63,11	10	Tốt/High
2009	64,09	15	Tốt/High
2008	62,42	7	Tốt/High
2007	62,88	14	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

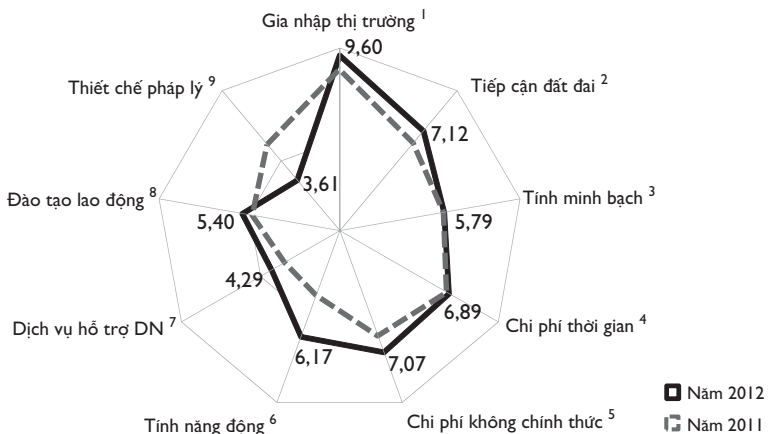
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

BÌNH ĐỊNH

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	63,06	4	Tốt/High
2011	58,14	38	Khá/Mid-high
2010	60,37	20	Tốt/High
2009	65,97	7	Tốt/High
2008	60,67	11	Tốt/High
2007	69,46	4	Rất tốt/Excellent

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

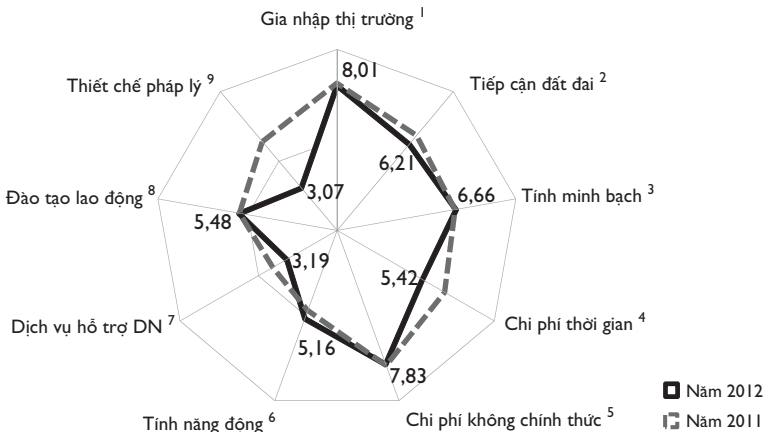
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

BÌNH DƯƠNG

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	59,64	19	Khá/Mid-high
2011	63,99	10	Tốt/High
2010	65,72	5	Tốt/High
2009	74,01	2	Rất tốt/Excellent
2008	71,76	2	Rất tốt/Excellent
2007	77,20	1	Rất tốt/Excellent

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

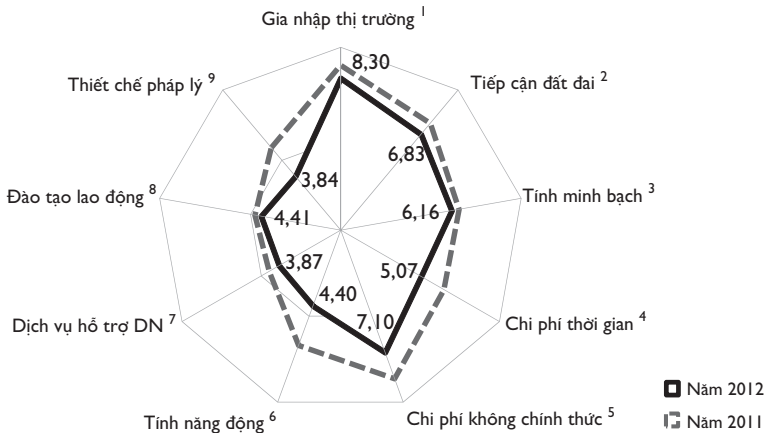
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

BÌNH PHƯỚC

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	55,82	39	Khá/Mid-high
2011	65,87	8	Tốt/High
2010	57,24	36	Khá/Mid-high
2009	56,15	42	Khá/Mid-high
2008	53,71	32	Trung bình/Average
2007	50,37	49	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

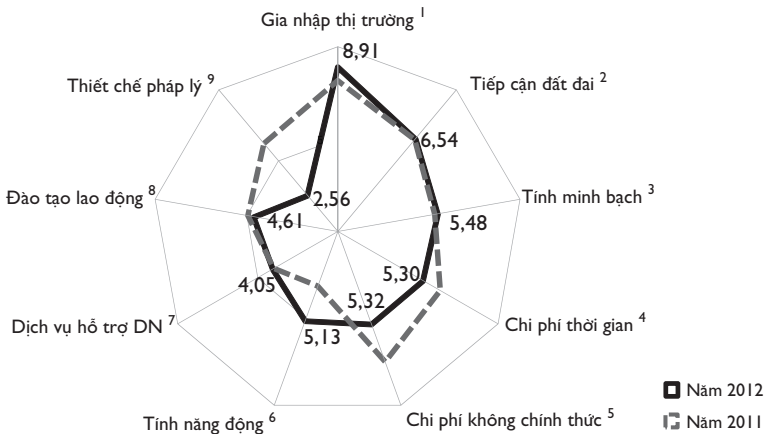
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

BÌNH THUẬN

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	54,08	47	Khá/Mid-high
2011	57,62	40	Khá/Mid-high
2010	58,45	28	Khá/Mid-high
2009	64,96	11	Tốt/High
2008	58,75	17	Khá/Mid-high
2007	57,66	25	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

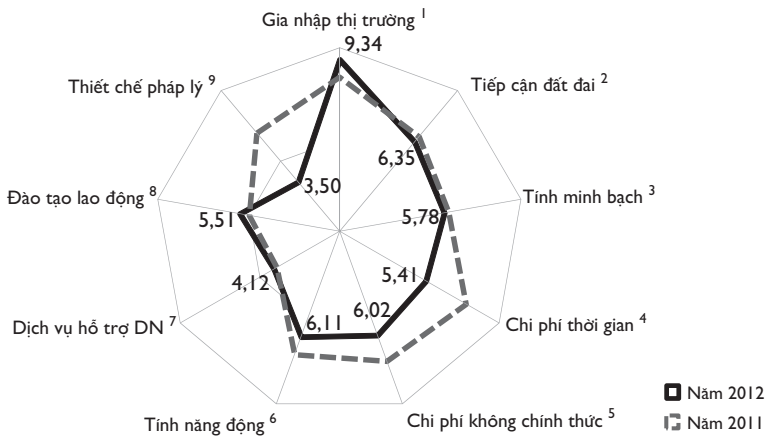
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

BÀ RỊA VŨNG TÀU

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	59,14	21	Khá/Mid-high
2011	66,13	6	Rất tốt/Excellent
2010	60,55	19	Tốt/High
2009	65,96	8	Tốt/High
2008	60,51	12	Tốt/High
2007	65,63	8	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

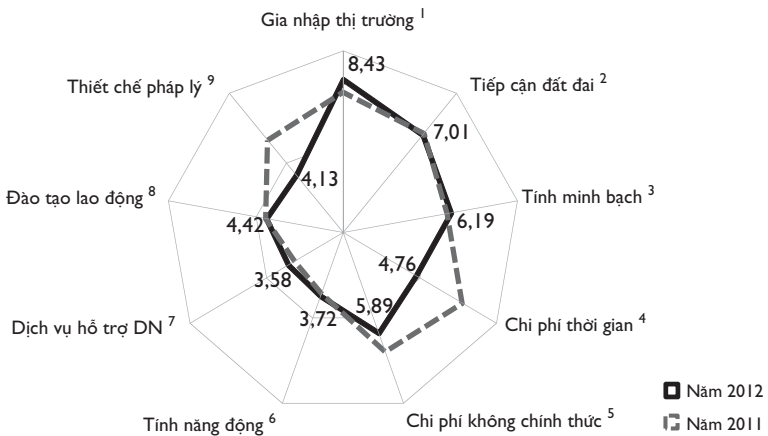
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

CÀ MAU

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	53,76	49	Khá/Mid-high
2011	59,43	32	Khá/Mid-high
2010	53,57	51	Khá/Mid-high
2009	61,96	22	Tốt/High
2008	58,64	18	Khá/Mid-high
2007	56,19	29	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

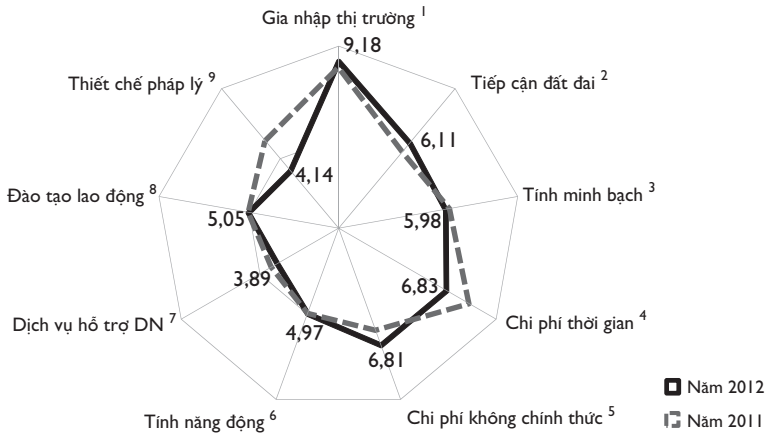
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	60,32	14	Tốt/High
2011	62,66	16	Tốt/High
2010	62,46	13	Tốt/High
2009	62,17	21	Tốt/High
2008	56,32	22	Khá/Mid-high
2007	61,76	17	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

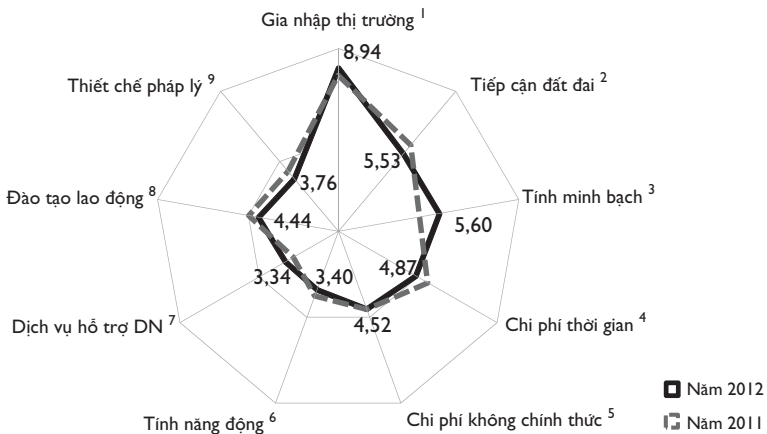
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

CAO BẰNG

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	50,55	61	Tương đối thấp/Mid-low
2011	50,98	63	Tương đối thấp/Mid-low
2010	53,55	52	Trung bình/Average
2009	45,43	63	Thấp/Low
2008	41,02	60	Thấp/Low
2007	40,18	62	Thấp/Low

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

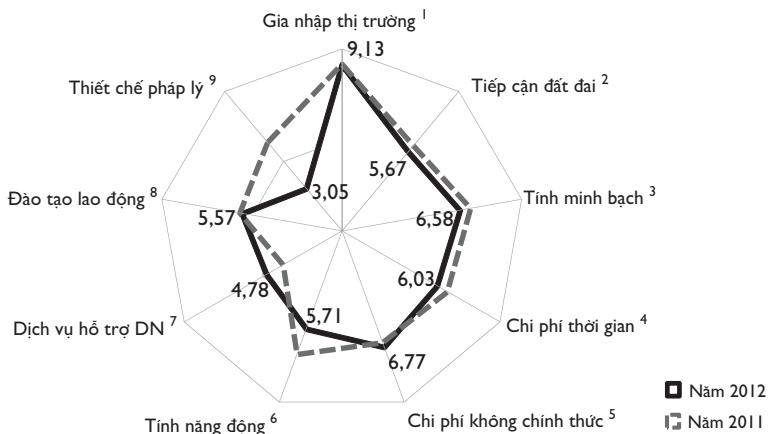
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	61,71	12	Tốt/High
2011	66,98	5	Tốt/High
2010	69,77	1	Rất tốt/Excellent
2009	75,96	1	Rất tốt/Excellent
2008	72,18	1	Rất tốt/Excellent
2007	72,96	2	Rất tốt/Excellent

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

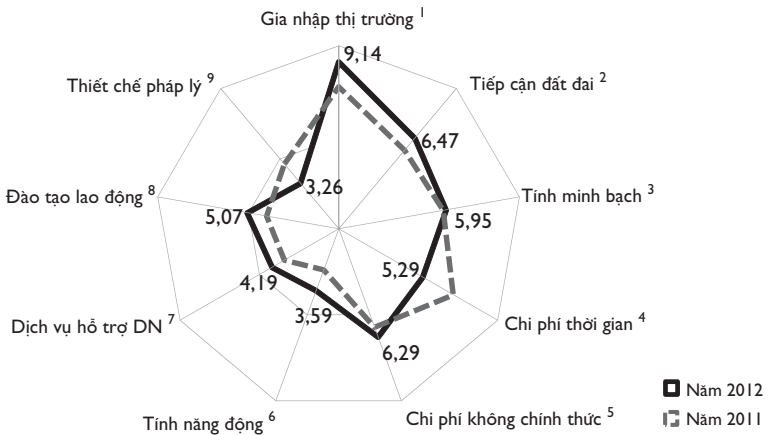
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

ĐẮK LẮK

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	55,94	36	Khá/Mid-high
2011	53,46	58	Khá/Mid-high
2010	57,20	38	Khá/Mid-high
2009	57,37	38	Khá/Mid-high
2008	53,33	33	Trung bình/Average
2007	51,05	48	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

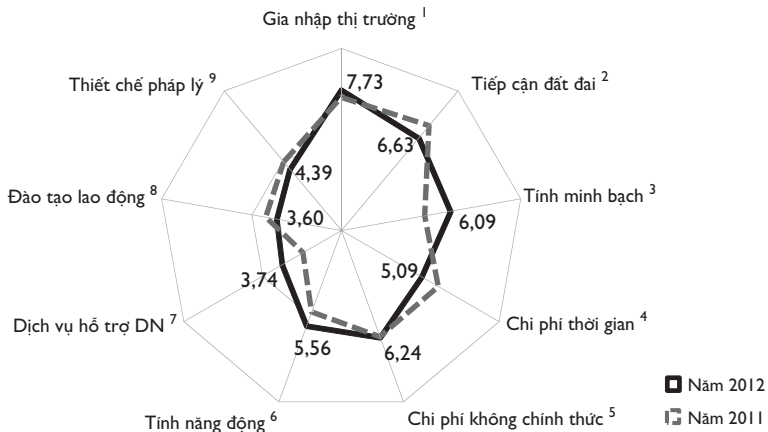
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

ĐẮK NÔNG

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	53,91	48	Khá/Mid-high
2011	52,87	59	Trung bình/Average
2010	48,91	63	Thấp/Low
2009	46,96	62	Thấp/Low
2008	41,00	61	Thấp/Low
2007	37,96	64	Thấp/Low

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

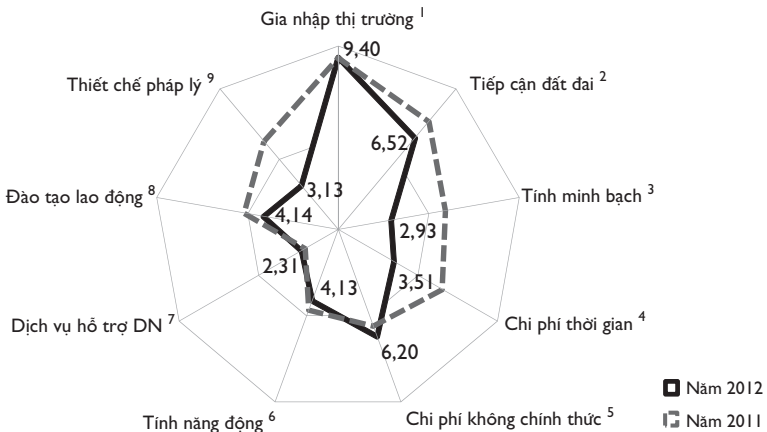
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

ĐIỆN BIÊN

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	45,12	63	Tương đối thấp/Mid-low
2011	59,96	29	Khá/Mid-high
2010	55,12	47	Khá/Mid-high
2009	59,32	27	Khá/Mid-high
2008	36,40	64	Thấp/Low
2007	41,70	61	Thấp/Low

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

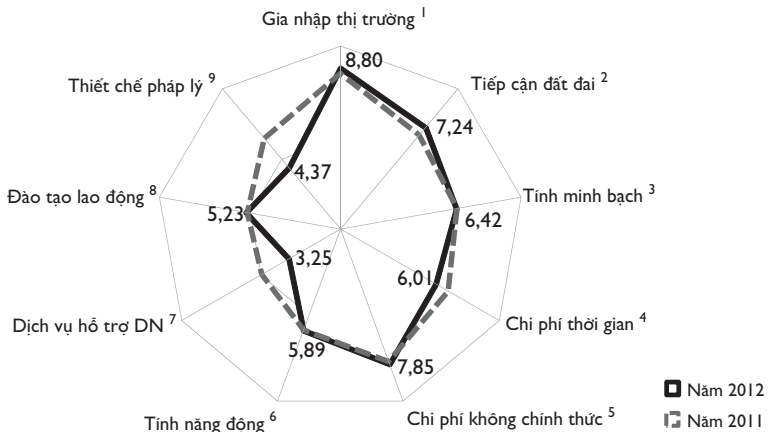
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

ĐỒNG NAI

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	62,29	9	Tốt/High
2011	64,77	9	Tốt/High
2010	59,49	25	Khá/Mid-high
2009	63,16	18	Tốt/High
2008	59,62	15	Khá/Mid-high
2007	62,33	16	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

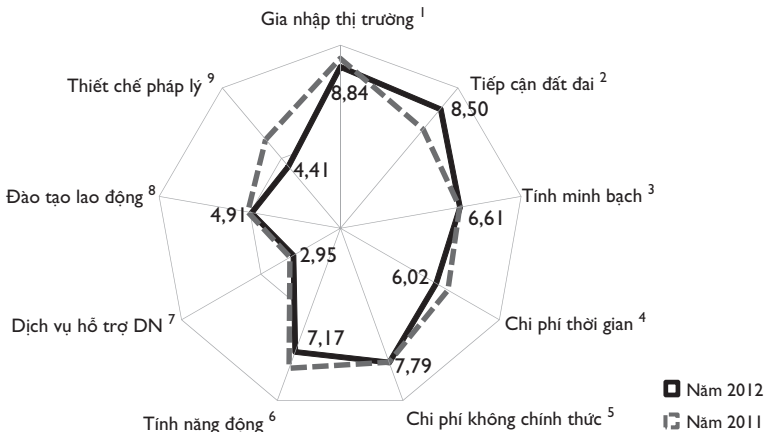
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

ĐỒNG THÁP

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	63,79	1	Tốt/High
2011	67,06	4	Rất tốt/Excellent
2010	67,22	3	Rất tốt/Excellent
2009	68,54	4	Rất tốt/Excellent
2008	66,64	5	Tốt/High
2007	64,90	9	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

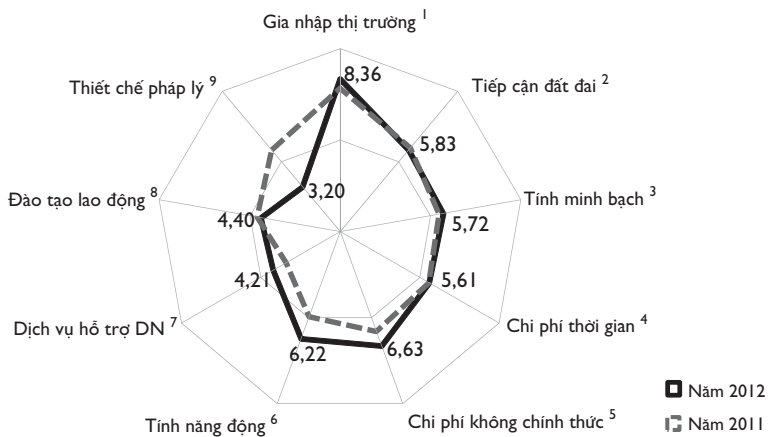
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

GIA LAI

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	56,5	32	Khá/Mid-high
2011	55,07	51	Khá/Mid-high
2010	53,65	50	Khá/Mid-high
2009	56,00	43	Khá/Mid-high
2008	51,82	38	Trung bình/Average
2007	56,16	30	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

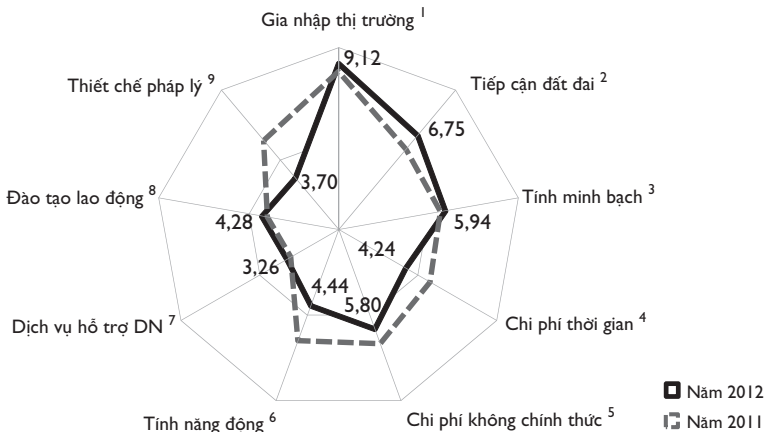
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

HÀ GIANG

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	53	53	Khá/Mid-high
2011	57,62	41	Khá/Mid-high
2010	53,94	49	Khá/Mid-high
2009	58,16	34	Khá/Mid-high
2008	48,18	45	Trung bình/Average
2007	54,59	34	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

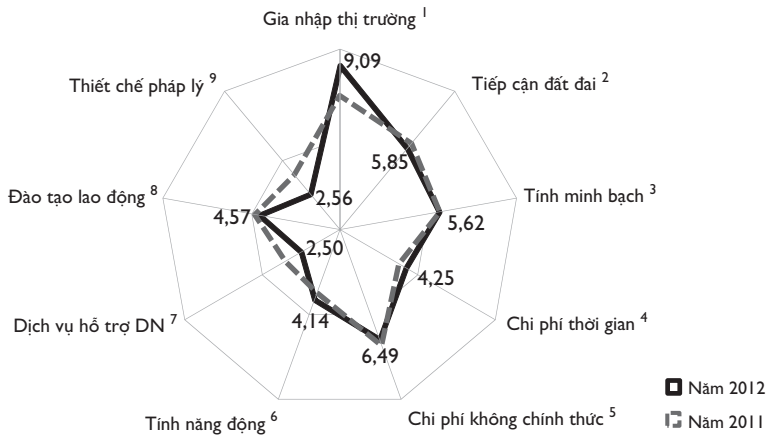
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

HÀ NAM

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	51,92	58	Trung bình/Average
2011	51,58	62	Trung bình/Average
2010	52,18	56	Trung bình/Average
2009	56,89	40	Khá/Mid-high
2008	55,13	26	Khá/Mid-high
2007	51,29	46	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

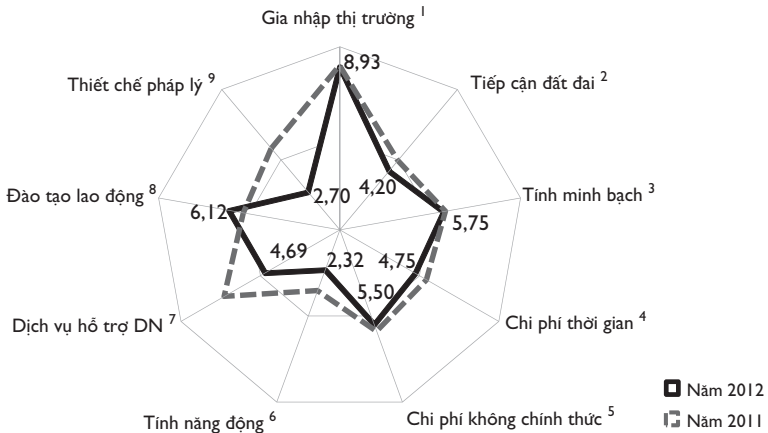
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	53,4	51	Khá/Mid-high
2011	58,28	36	Khá/Mid-high
2010	55,73	43	Khá/Mid-high
2009	58,18	33	Khá/Mid-high
2008	53,74	31	Trung bình/Average
2007	56,73	27	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

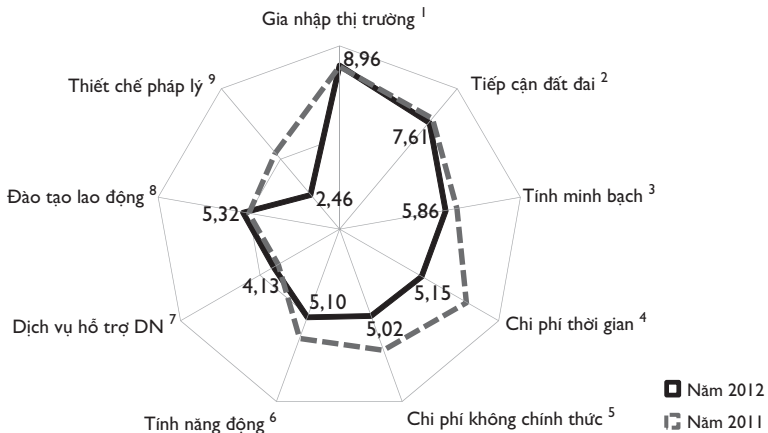
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

HÀ TỈNH

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	56,27	35	Khá/Mid-high
2011	65,97	7	Tốt/High
2010	57,22	37	Khá/Mid-high
2009	55,26	47	Khá/Mid-high
2008	47,48	49	Tương đối thấp/Mid-low
2007	45,56	57	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

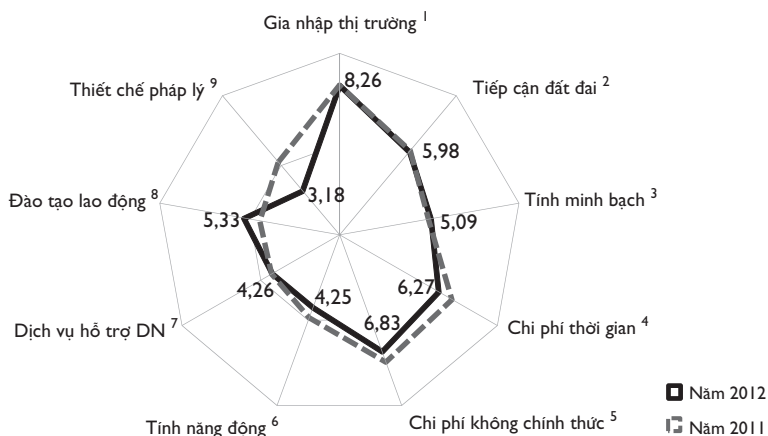
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

HẢI DƯƠNG

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	56,29	33	Khá/Mid-high
2011	58,41	35	Khá/Mid-high
2010	57,51	35	Khá/Mid-high
2009	58,96	29	Khá/Mid-high
2008	54,07	30	Khá/Mid-high
2007	53,22	36	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

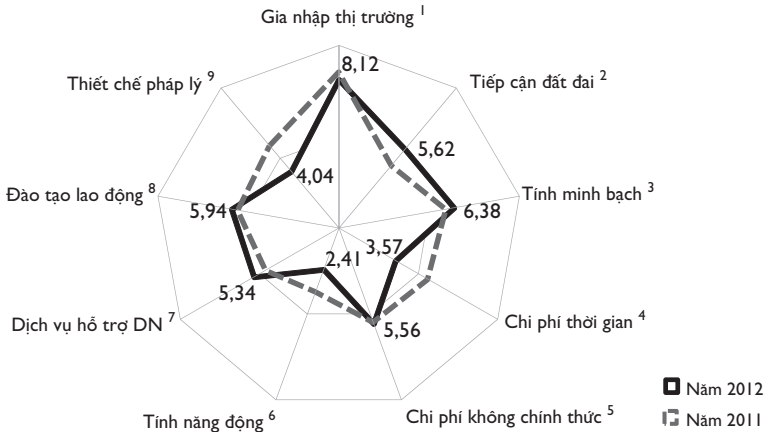
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	53,58	50	Khá/Mid-high
2011	57,07	45	Khá/Mid-high
2010	54,64	48	Khá/Mid-high
2009	57,57	36	Khá/Mid-high
2008	47,68	48	Tương đối thấp/Mid-low
2007	53,19	37	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

- 1: Entry Costs
- 2: Land Access & Tenure
- 3: Transparency

- 4: Time Costs
- 5: Informal Charges
- 6: Proactivity

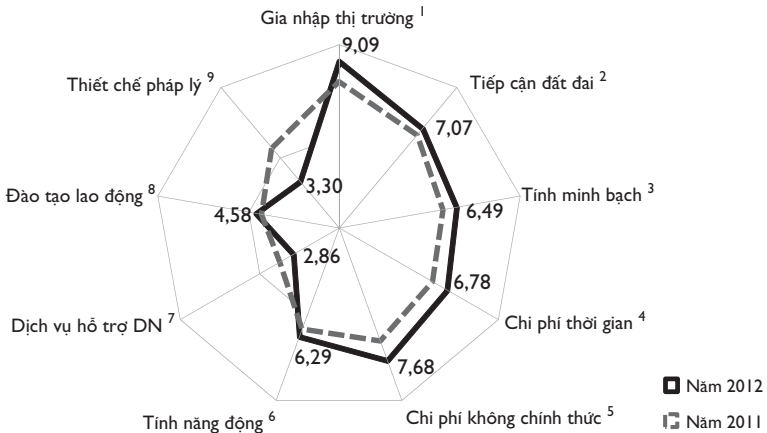
- 7: Business Support Services
- 8: Labor Training
- 9: Legal Institutions

HẬU GIANG

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	62,01	11	Tốt/High
2011	57,4	43	Khá/Mid-high
2010	63,91	8	Tốt/High
2009	64,38	13	Tốt/High
2008	55,36	24	Khá/Mid-high
2007	59,41	19	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

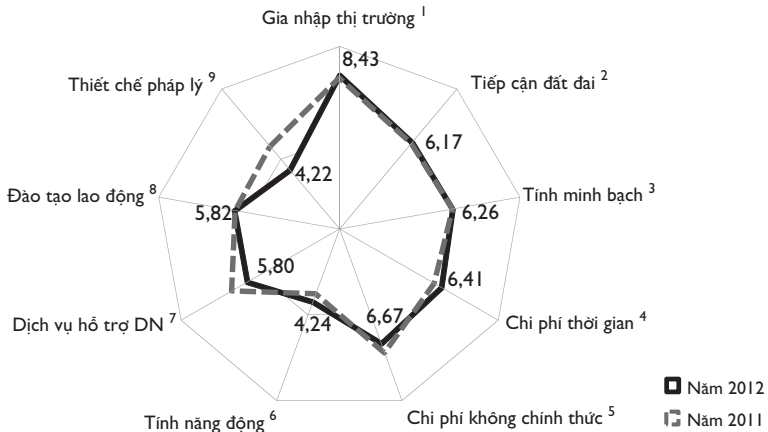
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

TP.HỒ CHÍ MINH

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	61,19	13	Tốt/High
2011	61,93	20	Tốt/High
2010	59,67	23	Khá/Mid-high
2009	63,22	16	Tốt/High
2008	60,15	13	Tốt/High
2007	64,83	10	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

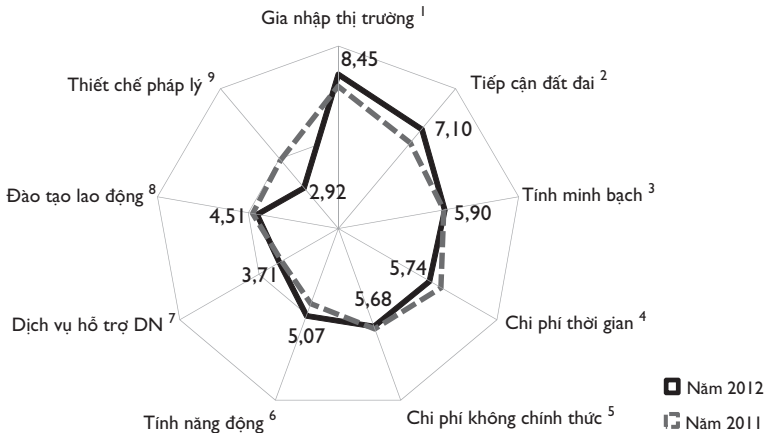
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

HÒA BÌNH

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	55,51	41	Khá/Mid-high
2011	56,52	47	Khá/Mid-high
2010	49,89	60	Tương đối thấp/Mid-low
2009	47,82	60	Tương đối thấp/Mid-low
2008	48,35	44	Trung bình/Average
2007	50,18	51	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

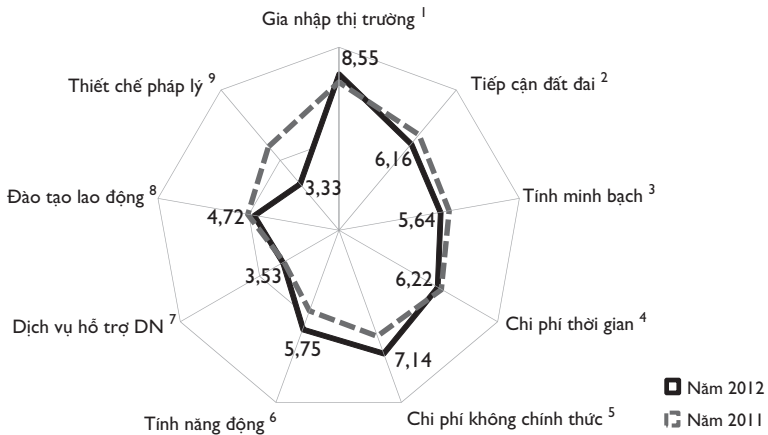
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

HƯNG YÊN

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	58,01	28	Khá/Mid-high
2011	59,29	33	Khá/Mid-high
2010	49,77	61	Tương đối thấp/Mid-low
2009	61,31	24	Khá/Mid-high
2008	57,53	20	Khá/Mid-high
2007	57,47	26	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

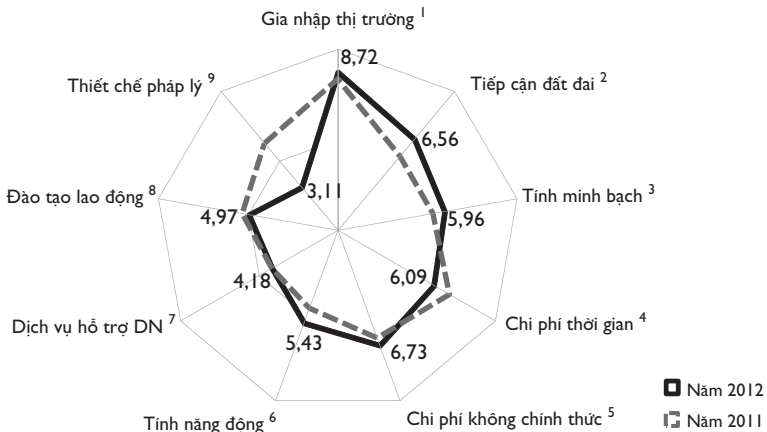
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

KHÁNH HÒA

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	58,82	24	Khá/Mid-high
2011	59,11	34	Khá/Mid-high
2010	56,75	40	Khá/Mid-high
2009	58,66	30	Khá/Mid-high
2008	52,12	36	Trung bình/Average
2007	52,42	40	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

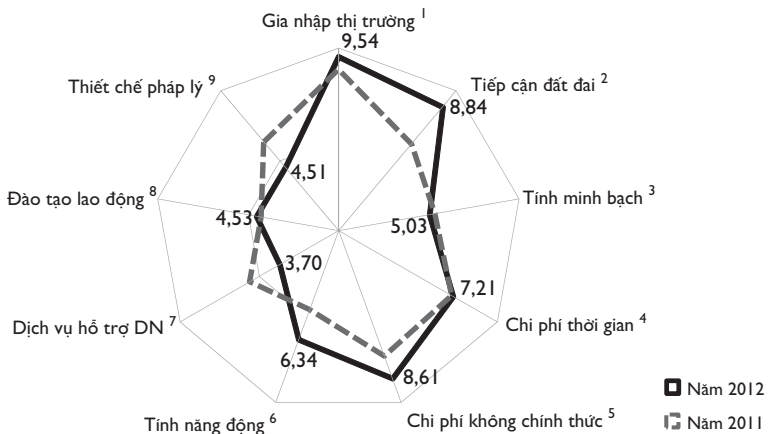
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

KIÊN GIANG

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	62,96	6	Tốt/High
2011	59,98	28	Khá/Mid-high
2010	58,90	27	Khá/Mid-high
2009	63,04	19	Tốt/High
2008	52,25	35	Trung bình/Average
2007	52,82	39	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

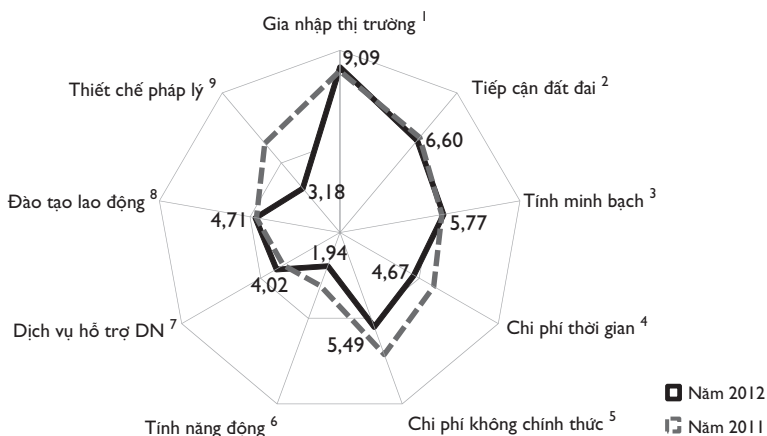
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

KON TUM

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	51,39	59	Trung bình/Average
2011	57,10	44	Khá/Mid-high
2010	57,01	39	Khá/Mid-high
2009	54,28	51	Khá/Mid-high
2008	41,94	59	Thấp/Low
2007	44,54	58	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

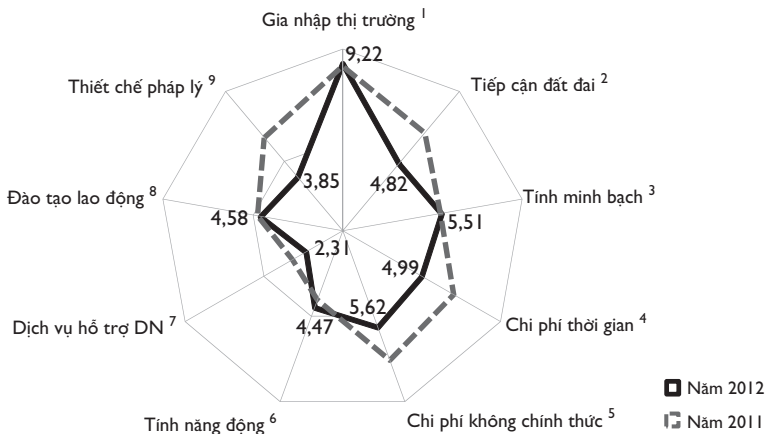
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

LAI CHÂU

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	52,47	55	Trung bình/Average
2011	60,36	26	Tốt/High
2010	51,77	57	Trung bình/Average
2009	55,55	45	Khá/Mid-high
2008	43,95	58	Tương đối thấp/Mid-low
2007	38,19	63	Thấp/Low

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

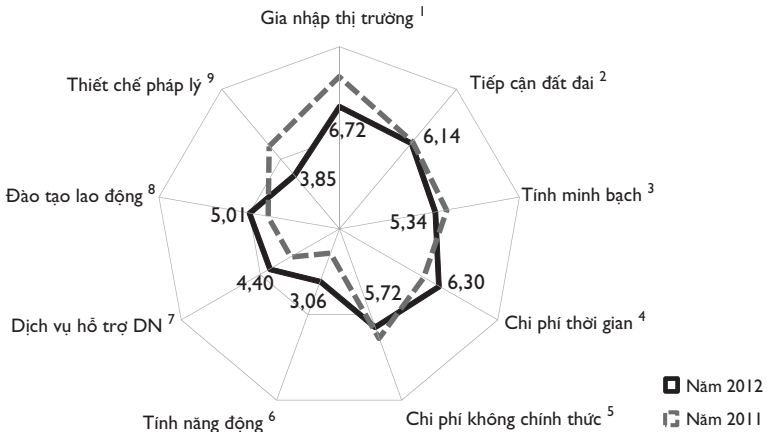
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

LÂM ĐỒNG

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	52,84	54	Trung bình/Average
2011	51,75	61	Trung bình/Average
2010	58,26	29	Khá/Mid-high
2009	52,93	54	Trung bình/Average
2008	48,10	46	Trung bình/Average
2007	49,85	52	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

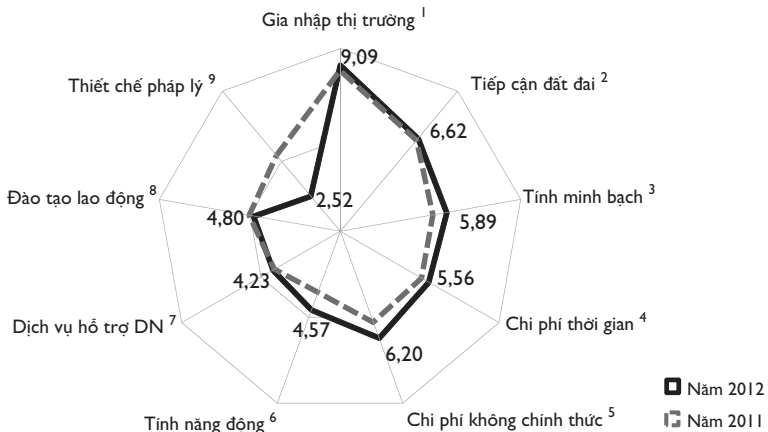
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

LẠNG SƠN

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	56,29	34	Khá/Mid-high
2011	54,26	53	Khá/Mid-high
2010	50,20	59	Tương đối thấp/Mid-low
2009	52,52	57	Trung bình/Average
2008	45,63	54	Tương đối thấp/Mid-low
2007	43,23	59	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

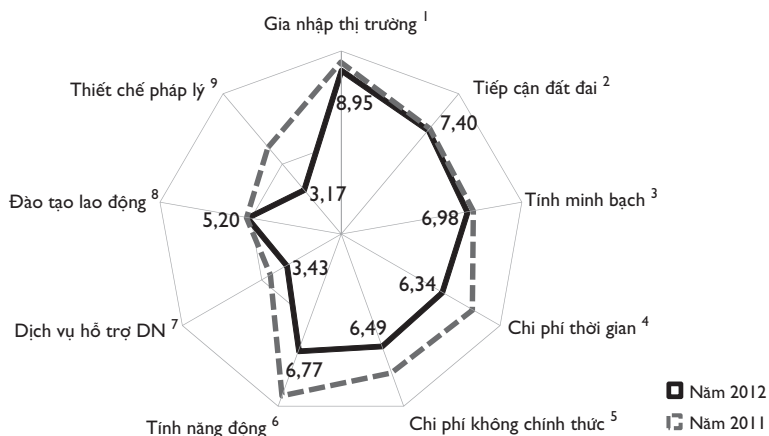
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

LÀO CAI

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	63,08	3	Tốt/High
2011	73,53	1	Rất Tốt/Excellent
2010	67,95	2	Tốt/High
2009	70,47	3	Tốt/High
2008	61,22	8	Rất Tốt/Excellent
2007	66,95	5	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

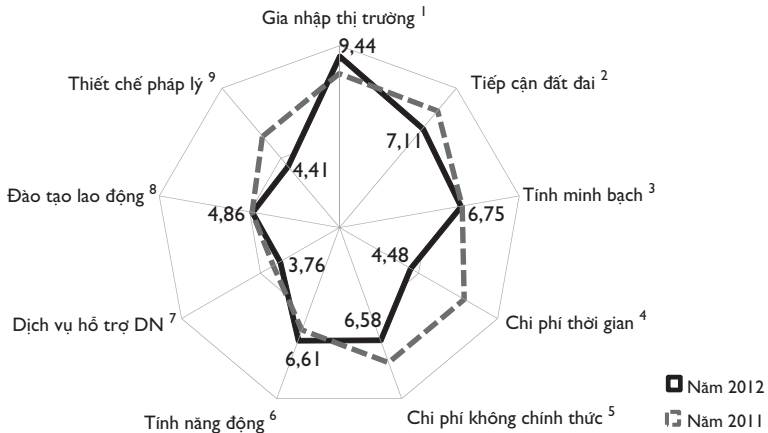
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

LONG AN

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	60,21	16	Tốt/High
2011	67,12	3	Rất tốt/ Excellent
2010	62,74	12	Tốt/High
2009	64,44	12	Tốt/High
2008	63,99	6	Tốt/High
2007	58,82	21	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

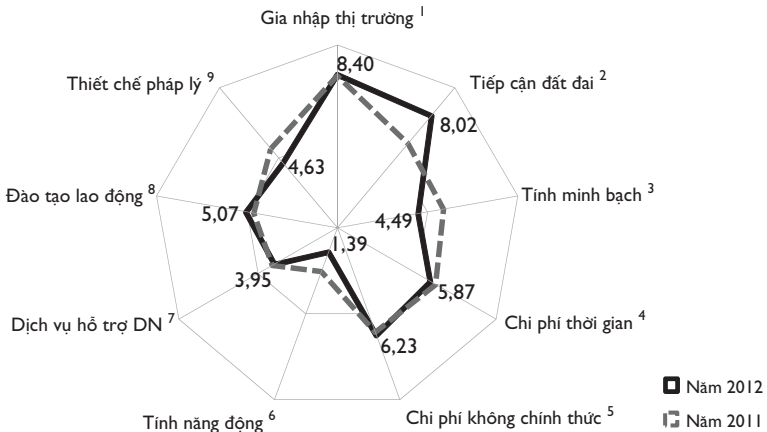
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

NAM ĐỊNH

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	52,23	56	Trung bình/Average
2011	55,48	48	Khá/Mid-high
2010	55,63	45	Khá/Mid-high
2009	52,60	55	Trung bình/Average
2008	49,52	42	Trung bình/Average
2007	51,76	44	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

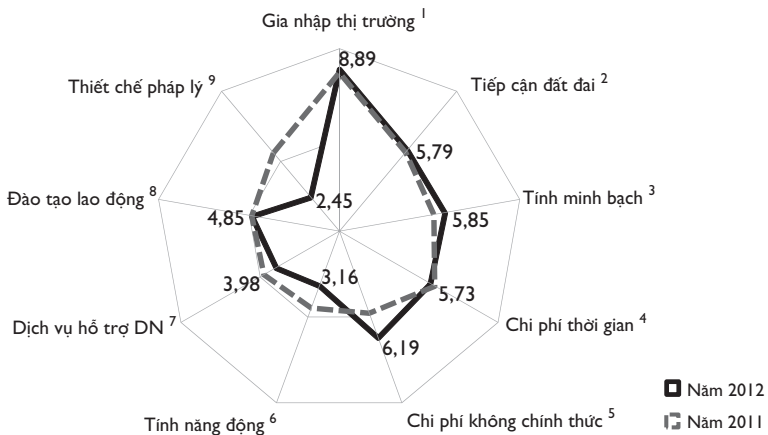
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

NGHỆ AN

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	54,36	46	Khá/Mid-high
2011	55,46	49	Khá/Mid-high
2010	52,38	54	Trung bình/Average
2009	52,56	56	Trung bình/Average
2008	48,46	43	Trung bình/Average
2007	49,76	53	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

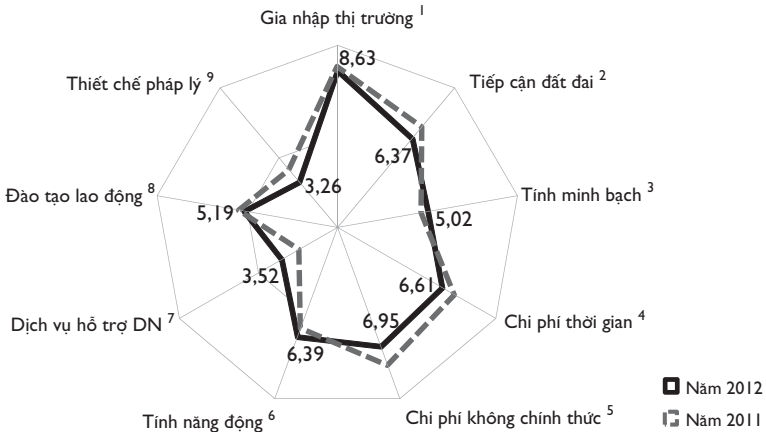
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

NINH BÌNH

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	58,87	23	Khá/Mid-high
2011	61,12	21	Tốt/High
2010	62,85	11	Tốt/High
2009	58,31	32	Khá/Mid-high
2008	56,14	23	Khá/Mid-high
2007	57,67	24	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

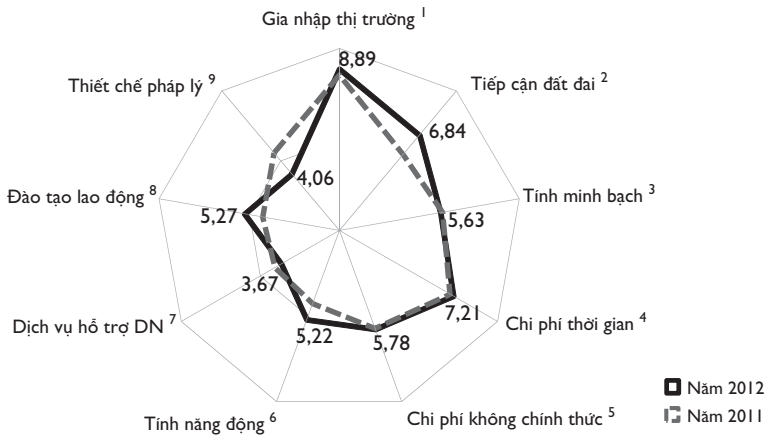
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

NINH THUẬN

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	59,76	18	Khá/Mid-high
2011	57,00	46	Khá/Mid-high
2010	56,61	41	Khá/Mid-high
2009	54,91	48	Khá/Mid-high
2008	47,82	47	Tương đối thấp/Mid-low
2007	47,33	55	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

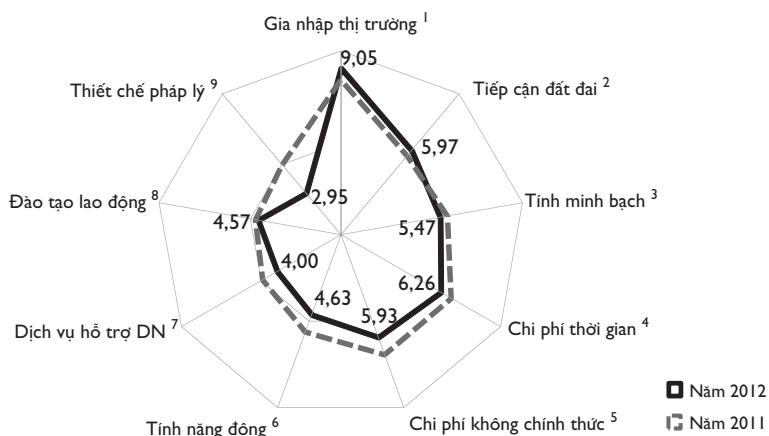
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

PHÚ THỌ

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	55,54	40	Khá/Mid-high
2011	60,31	27	Tốt/High
2010	52,47	53	Trung bình/Average
2009	53,30	53	Khá/Mid-high
2008	52,49	34	Trung bình/Average
2007	55,64	32	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

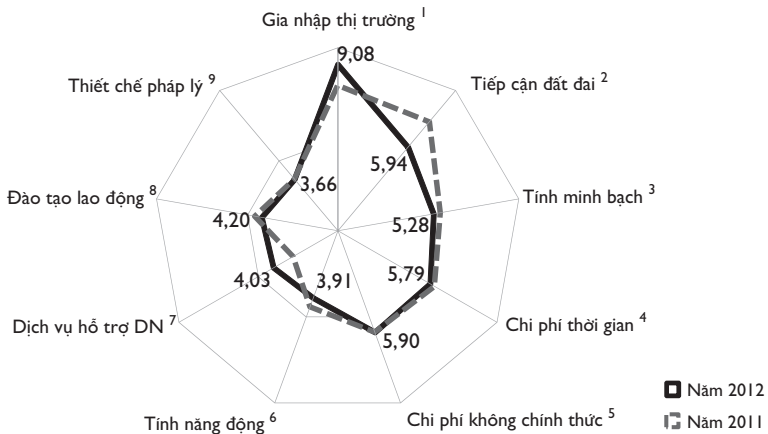
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

PHÚ YÊN

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	53,36	52	Khá/Mid-high
2011	55,15	50	Trung bình/Average
2010	58,18	31	Khá/Mid-high
2009	54,77	49	Khá/Mid-high
2008	51,24	39	Trung bình/Average
2007	57,87	23	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

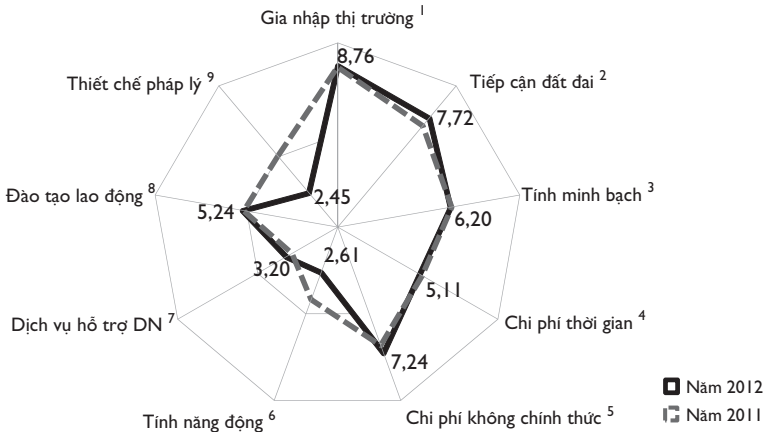
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

QUẢNG BÌNH

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	55,84	38	Khá/Mid-high
2011	58,16	37	Khá/Mid-high
2010	55,22	46	Khá/Mid-high
2009	55,68	44	Khá/Mid-high
2008	44,17	57	Tương đối thấp/Mid-low
2007	49,51	54	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

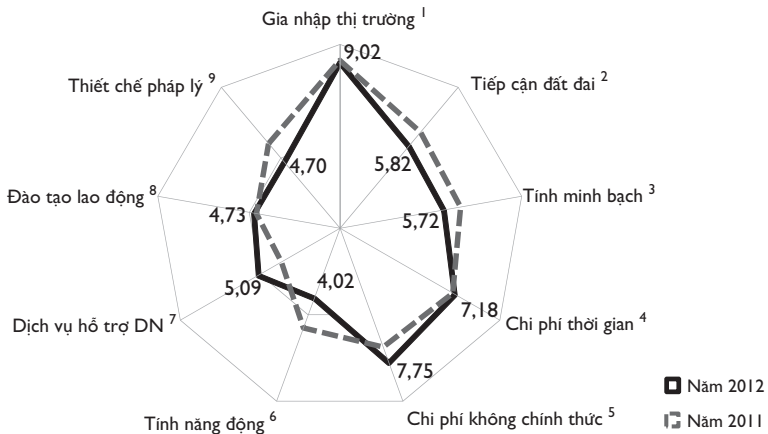
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

QUẢNG NAM

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	60,27	15	Tốt/High
2011	63,40	11	Tốt/High
2010	59,34	26	Khá/Mid-high
2009	61,08	25	Tốt/High
2008	59,97	14	Khá/Mid-high
2007	62,92	13	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

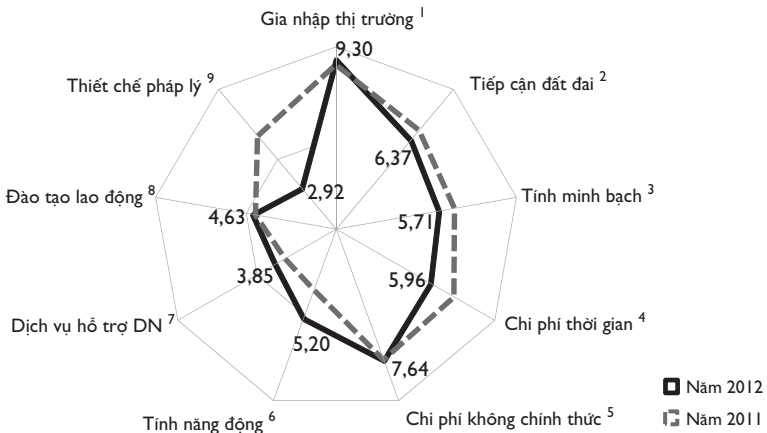
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

QUẢNG NGÃI

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	58,33	27	Khá/Mid-high
2011	62,24	18	Tốt/High
2010	52,21	55	Trung bình/Average
2009	52,34	58	Trung bình/Average
2008	50,05	41	Trung bình/Average
2007	51,39	45	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

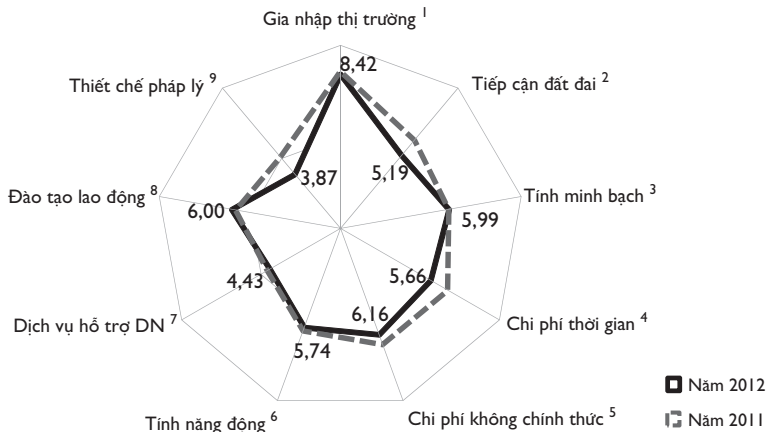
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

QUẢNG NINH

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	59,55	20	Khá/Mid-high
2011	63,25	12	Tốt/High
2010	64,41	7	Tốt/High
2009	60,81	26	Tốt/High
2008	54,70	27	Khá/Mid-high
2007	58,34	22	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

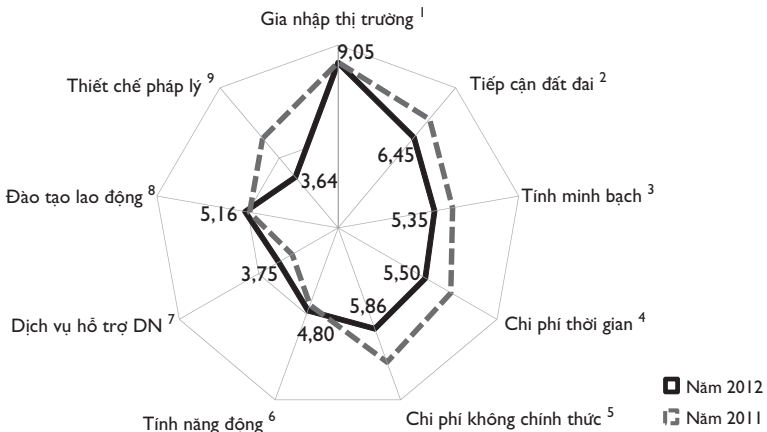
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

QUẢNG TRỊ

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	55,91	37	Khá/Mid-high
2011	63,08	13	Tốt/High
2010	61,61	16	Tốt/High
2009	55,32	46	Khá/Mid-high
2008	50,72	40	Trung bình/Average
2007	51,10	47	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

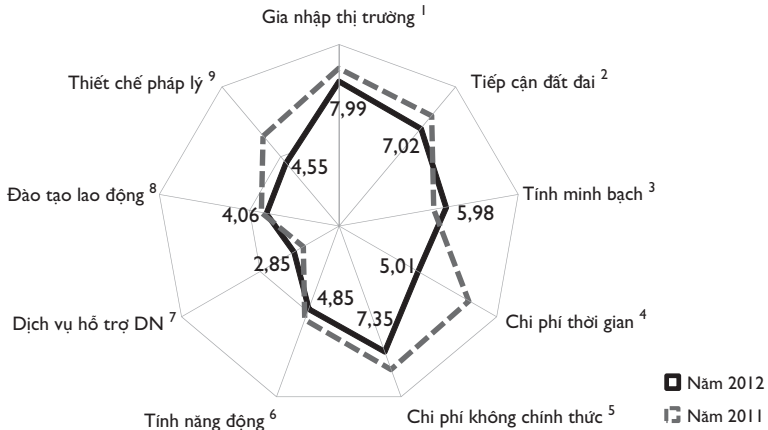
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

SÓC TRĂNG

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	55,01	45	Khá/Mid-high
2011	62,68	15	Tốt/High
2010	61,49	17	Tốt/High
2009	56,63	41	Khá/Mid-high
2008	54,24	29	Khá/Mid-high
2007	64,68	11	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

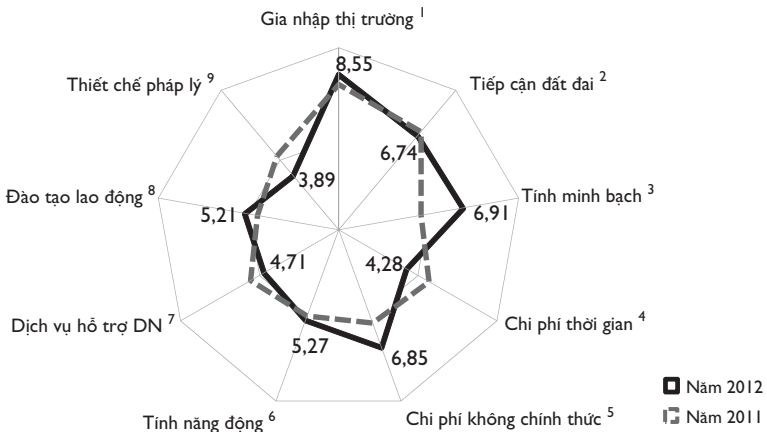
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

SƠN LA

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	58,99	22	Khá/Mid-high
2011	54,32	52	Khá/Mid-high
2010	49,26	62	Tương đối thấp/Mid-low
2009	53,40	52	Khá/Mid-high
2008	46,60	51	Tương đối thấp/Mid-low
2007	50,35	50	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

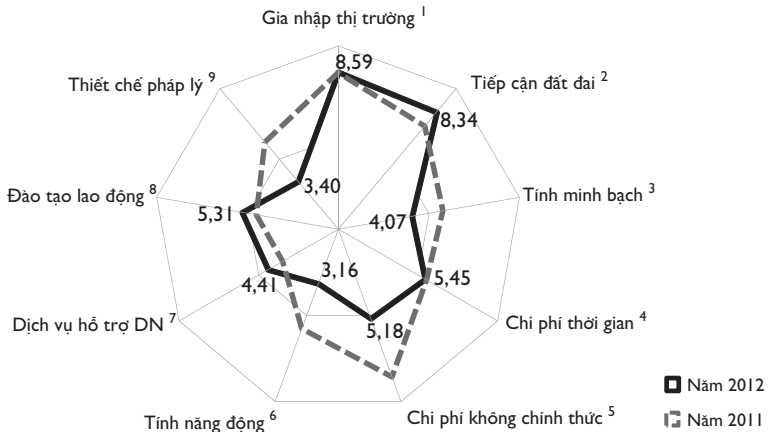
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

TÂY NINH

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	51,95	57	Trung bình/Average
2011	60,43	25	Tốt/High
2010	57,93	33	Khá/Mid-high
2009	59,03	28	Khá/Mid-high
2008	45,10	56	Tương đối thấp/Mid-low
2007	53,92	35	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

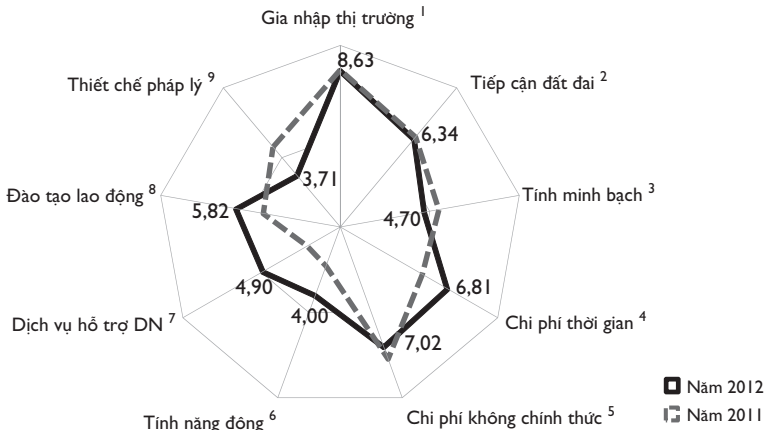
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

THÁI BÌNH

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	58,37	25	Khá/Mid-high
2011	53,69	55	Khá/Mid-high
2010	60,04	22	Tốt/High
2009	54,58	50	Khá/Mid-high
2008	54,27	28	Khá/Mid-high
2007	55,99	31	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

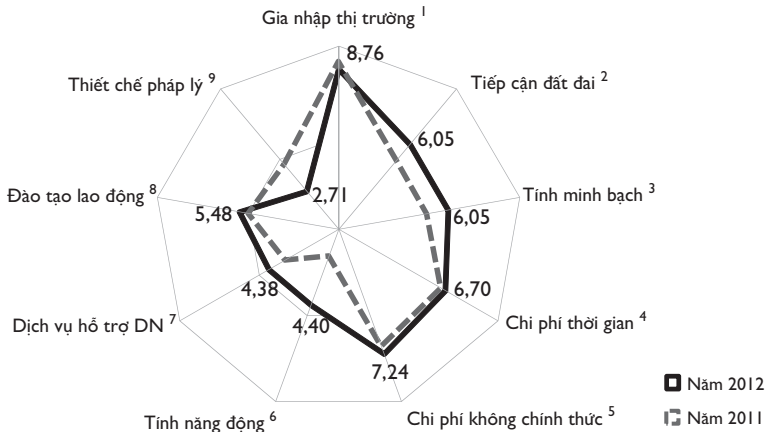
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

THÁI NGUYÊN

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	60,07	17	Tốt/High
2011	53,57	57	Khá/Mid-high
2010	56,54	42	Khá/Mid-high
2009	58,58	31	Khá/Mid-high
2008	46,03	53	Tương đối thấp/Mid-low
2007	52,02	43	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

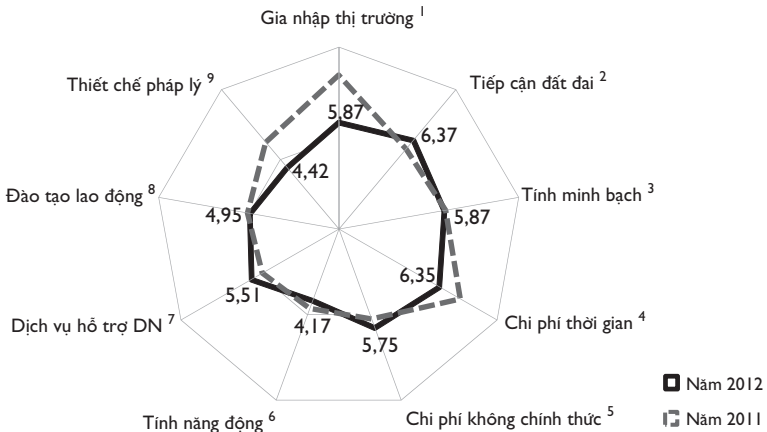
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

THANH HÓA

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	55,11	44	Khá/Mid-high
2011	60,62	24	Tốt/High
2010	55,68	44	Khá/Mid-high
2009	57,32	39	Khá/Mid-high
2008	46,22	52	Tương đối thấp/Mid-low
2007	52,82	38	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

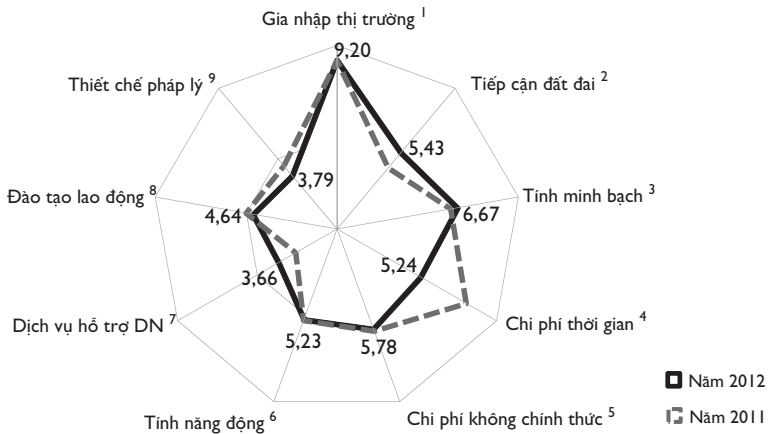
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

THỪA THIÊN HUẾ

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	57,12	30	Khá/Mid-high
2011	60,95	22	Tốt/High
2010	61,31	18	Tốt/High
2009	64,23	14	Tốt/High
2008	60,71	10	Tốt/High
2007	62,44	15	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

- 1: Entry Costs
- 2: Land Access & Tenure
- 3: Transparency

- 4: Time Costs
- 5: Informal Charges
- 6: Proactivity

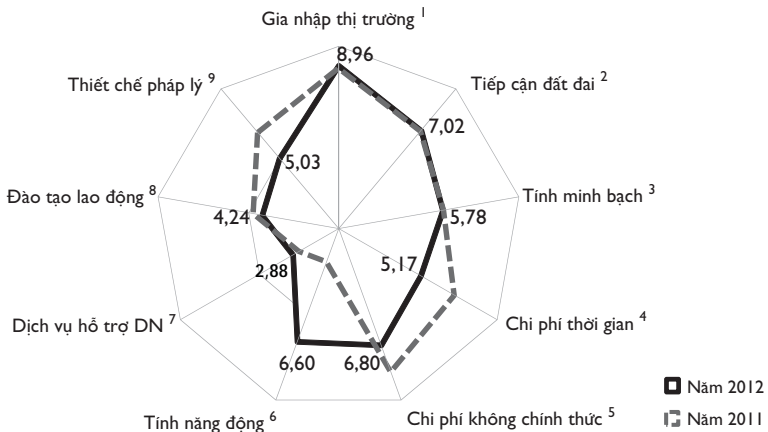
- 7: Business Support Services
- 8: Labor Training
- 9: Legal Institutions

TIỀN GIANG

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	57,63	29	Khá/Mid-high
2011	59,58	31	Khá/Mid-high
2010	59,63	24	Khá/Mid-high
2009	65,81	9	Tốt/High
2008	57,27	21	Khá/Mid-high
2007	64,63	12	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

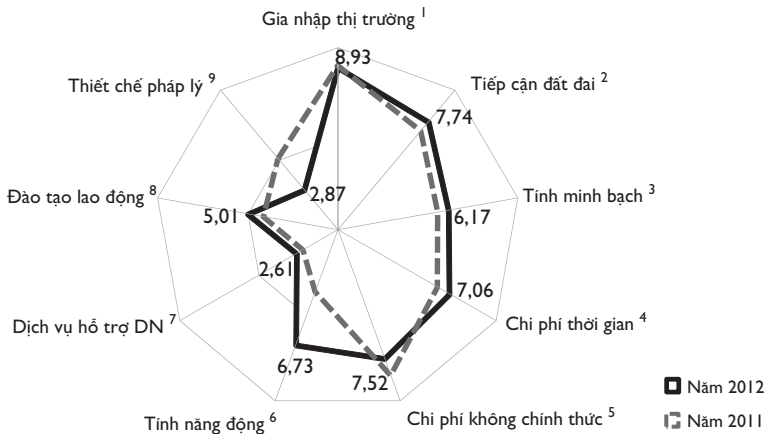
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

TRÀ VINH

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	62,75	8	Tốt/High
2011	57,56	42	Khá/Mid-high
2010	65,80	4	Tốt/High
2009	63,22	17	Tốt/High
2008	55,17	25	Khá/Mid-high
2007	56,30	28	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

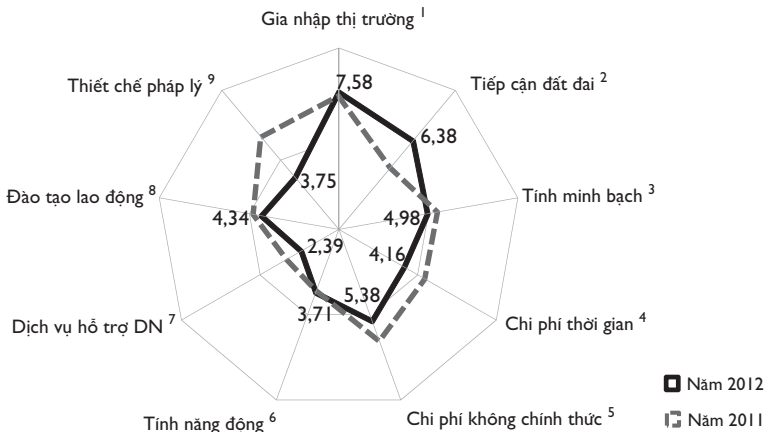
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

TUYÊN QUANG

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	47,81	62	Tương đối thấp/Mid-low
2011	53,67	56	Khá/Mid-high
2010	57,90	34	Khá/Mid-high
2009	57,92	35	Khá/Mid-high
2008	52,00	37	Trung bình/Average
2007	52,13	42	Trung bình/Average

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

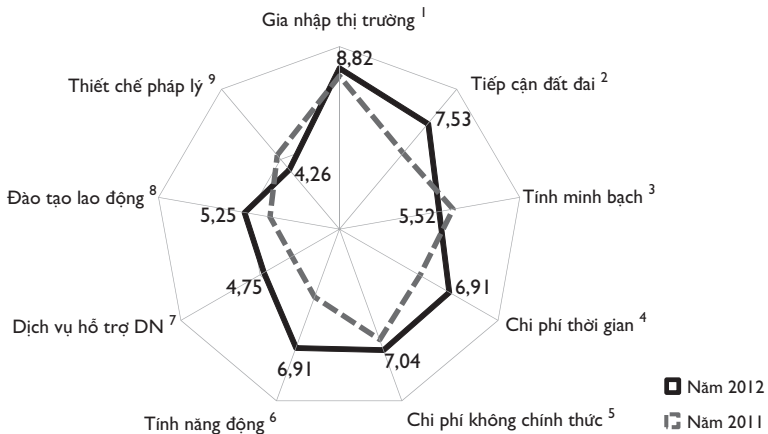
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

VĨNH LONG

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	62,97	5	Tốt/High
2011	54,1	54	Khá/Mid-high
2010	63,40	9	Tốt/High
2009	67,24	5	Rất tốt/Excellent
2008	66,97	4	Tốt/High
2007	70,14	3	Rất tốt/Excellent

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

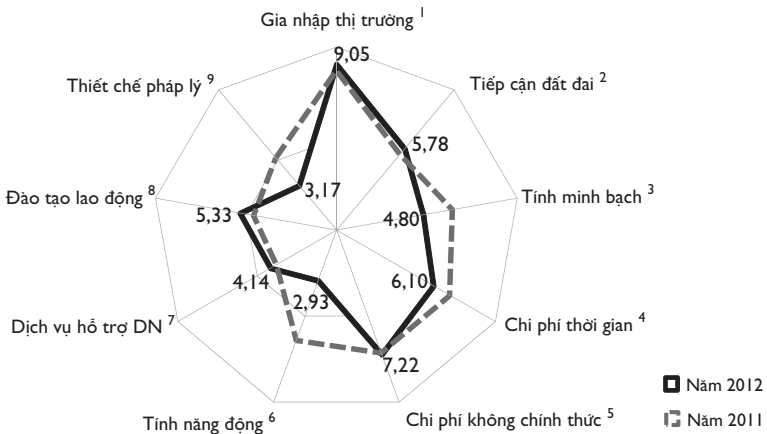
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

VĨNH PHÚC

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	55,15	43	Khá/Mid-high
2011	62,57	17	Tốt/High
2010	61,73	15	Tốt/High
2009	66,65	6	Rất tốt/Excellent
2008	69,37	3	Rất tốt/Excellent
2007	66,06	7	Tốt/High

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

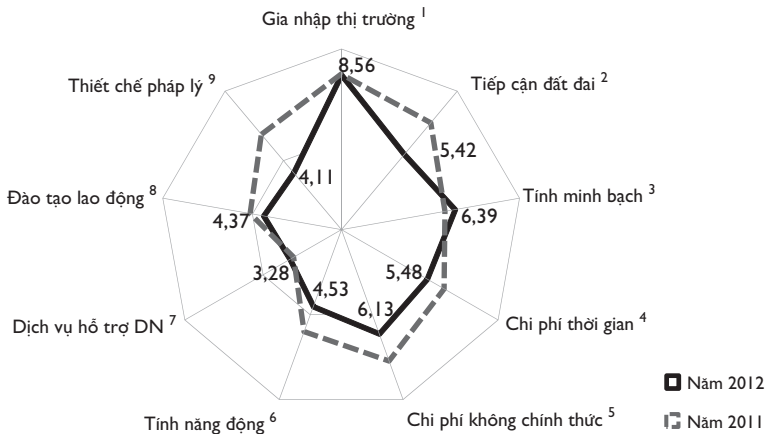
7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions

YÊN BÁI

I Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2012

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2012	55,36	42	Khá/Mid-high
2011	63,05	14	Tốt/High
2010	60,16	21	Tốt/High
2009	61,70	23	Tốt/High
2008	57,79	19	Khá/Mid-high
2007	59,73	18	Khá/Mid-high

2 Kết quả 9 chỉ số thành phần PCI 2011-2012



Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2012

1: Entry Costs
2: Land Access & Tenure
3: Transparency

4: Time Costs
5: Informal Charges
6: Proactivity

7: Business Support Services
8: Labor Training
9: Legal Institutions



Thành lập năm 1963, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) là một tổ chức quốc gia tập hợp và đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, người sử dụng lao động và các hiệp hội doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế ở Việt Nam. Sứ mệnh của VCCI là phát triển, bảo vệ và hỗ trợ doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, thúc đẩy các quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học-công nghệ giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

Hai chức năng chính của VCCI là: (i) đại diện để thúc đẩy và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cộng đồng doanh nghiệp và người sử dụng lao động ở Việt Nam trong các quan hệ trong nước và quốc tế; và (ii) thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp, doanh nhân, sự liên kết giữa các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, xúc tiến và hỗ trợ các hoạt động thương mại, đầu tư, hợp tác khoa học-công nghệ và các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ở Việt Nam và nước ngoài.



Dự án Sáng kiến Cạnh tranh Việt Nam của Cơ quan phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID/VNCCI) hỗ trợ về mặt kỹ thuật những lĩnh vực ưu tiên cải cách đối với chính quyền và lãnh đạo doanh nghiệp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh. Các chương trình của dự án USAID/VNCCI bao gồm: (i) vận động thay đổi chính sách sử dụng số liệu Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và các sáng kiến chính sách khác nhằm trợ giúp chính quyền và doanh nghiệp thông qua đối thoại, tham vấn trong việc ra quyết định hoặc hoạch định chính sách; (ii) cải cách thể chế hưởng ứng Đề án 30 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Đơn giản hóa thủ tục hành chính, do Văn phòng Chính phủ và Cục Kiểm soát thủ tục hành chính thiết kế và thực hiện các chiến lược cải cách, rà soát, tinh giản hệ thống các quy định pháp lý hiện hành, áp dụng kiểm soát chất lượng thể chế, và xây dựng một khung thể chế và phối hợp chính sách hiệu quả; (iii) huy động vốn xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông qua mô hình hợp tác công tư, cải cách thể chế tạo đòn bẩy phát triển thị trường tài chính minh bạch và hiệu quả nhằm giảm thiểu gánh nặng ngân sách cho chính phủ; (iv) đánh giá dự báo tác động pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện các phân tích kỹ thuật đánh hiệu quả lợi ích – chi phí dựa trên dữ liệu, tham vấn công chúng và các nhà hoạch định chính sách nhằm hỗ trợ quá trình xây dựng chính sách; và (v) đánh giá hỗ trợ cải cách cấp tỉnh trên cơ sở phối hợp thực hiện các đề xuất cụ thể từ các chính quyền tỉnh năng động mong muốn cải thiện năng lực điều hành kinh tế.

Để xem báo cáo này và số liệu chi tiết, xin vào trang

www.pcivietnam.org